

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh là rất khốc liệt. Vì vậy, để tồn tại và đứng vững trong môi trường đó, các công ty phải có những phương án kinh doanh hiệu quả, phải nắm bắt và đáp ứng được tâm lý, nhu cầu của người tiêu dùng với sản phẩm chất lượng cao, giá thành hạ, mẫu mã phong phú, đa dạng chủng loại, có chế độ bảo hành tốt.

Đặc biệt, các Công Ty TNHH Thương mại phải tổ chức tốt công tác bán hàng, chủ động thích ứng với môi trường, nắm bắt được cơ hội tốt, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có và lâu dài để có thể bảo toàn và phát triển vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Những biến đổi thực sự trong cơ chế quản lý kinh tế đã khẳng định vai trò, vị trí của thông tin kế toán nói chung, thông tin kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ nói riêng trong việc quản trị công ty. Nó giúp các nhà quản lý công ty nắm bắt được tình hình kinh doanh của công ty trong kỳ kế toán, biết được doanh thu và kết quả tiêu thụ của từng loại mặt hàng tiêu thụ trong kỳ... Từ đó có những phương án tối ưu trong tương lai và khắc phục những mặt còn hạn chế trong quá khứ để có thể đứng vững và phát triển trên thị trường.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu công tác kế toán tại công ty, em quyết định chọn đề tài "**Hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thành Vy**" làm khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

Tìm hiểu về kế toán tiêu thụ, tìm ra những ưu nhược điểm, từ đó đưa ra những giải pháp để cho doanh nghiệp hoàn thiện hơn về kế toán tiêu và xác định kết quả tiêu thụ, tăng thêm sức cạnh tranh của mình trên thị trường và xây dựng một cơ chế hoàn thiện hơn để phù hợp với môi trường kinh doanh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thành Vy.

Phạm vi nghiên cứu: Vì thời gian còn hạn hẹp nên em chỉ theo dõi tháng 12 năm 2015

4. Phương pháp nghiên cứu

Nguồn số liệu nghiên cứu: Nguồn số liệu lấy từ phòng Tài chính Kế toán, phòng Tổ chức Hành chính, phòng Kinh doanh thông qua các sổ sách chi tiết và Báo cáo Tài chính.

Phương pháp nghiên cứu: Thu thập, tổng hợp và đối chiếu số liệu.

5. Kết cấu đề tài

Khóa luận gồm có ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ trong công ty thương mại.

Chương 2: Thực trạng về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Vy.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Vy .

Trong quá trình thực tập, em đã nhận được sự chỉ dẫn và giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo Lê Mộng Huyền cùng với cán bộ kế toán Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Vy. Tuy nhiên thời gian chưa nhiều và kiến thức còn hạn hẹp nên không tránh khỏi những sai sót, mong quý thầy cô và cán bộ trong Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Vy góp ý để bài báo cáo được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

Bình Định, Ngày... Tháng... Năm 2016

Sinh viên thực hiện

Lê Thị Nhị

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TRONG CÔNG TY THƯƠNG MẠI

1.1. Khái quát chung về kế toán tiêu thụ

1.1.1. Khái niệm tiêu thụ

Tiêu thụ là việc chuyển quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa gắn liền với phần lợi ích hay rủi ro cho khách hàng đồng thời được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Tiêu thụ là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất – kinh doanh, đây là quá trình chuyển hóa vốn từ hình thái vốn sản phẩm, hàng hóa sang hình thái vốn tiền tệ hoặc vốn trong thanh toán.

Nguyên tắc của hoạt động tiêu thụ

Tổ chức việc thực hiện chế độ trách nhiệm vật chất đối với vật tư hàng hóa ở bất cứ nơi nào cũng có người trực tiếp quản lý và bảo quản.

Tiến hành kế toán chi tiết thành phẩm cả về lượng và giá trị, thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu và hạch toán nghiệp vụ tại đơn vị.

Thống nhất đánh giá để phản ánh phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch về nội dung và phương pháp tính để có thể so sánh được khi xem xét đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch.

Nhiệm vụ của kế toán tiêu thụ

Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình thực hiện và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo Tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

1.1.2. Các phương thức tiêu thụ

1.1.2.1. Phương thức tiêu thụ trực tiếp

Tiêu thụ trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại quầy. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao. Phương thức này có hai trường hợp là bán buôn và bán lẻ.

Bán buôn là phương thức tiêu thụ với số lượng lớn cho đơn vị thương mại.

Bán lẻ là phương thức tiêu thụ trực tiếp cho người tiêu dùng, các tổ chức kinh tế mang tính chất tiêu dùng.

1.1.2.2. Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận

Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận là phương thức tiêu thụ mà bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng được bên mua chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu về số hàng đó.

1.1.2.3. Phương thức tiêu thụ đại lý ký gửi

Tiêu thụ đại lý là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý bán đúng giá quy định của chủ hàng sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng (hoa hồng đại lý).

1.1.2.4. Phương thức tiêu thụ trả góp

Tiêu thụ trả góp trả chậm là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo bằng nhau và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.

Ngoài ra còn 2 phương thức khác là tiêu thụ nội bộ và phương thức hàng đổi hàng.

1.2. Kế toán tiêu thụ

1.2.1. Kế toán doanh thu

1.2.1.1. Khái niệm về doanh thu

Doanh thu của công ty là toàn bộ số tiền sẽ thu được do tiêu thụ sản phẩm, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và các hoạt động khác của công ty.

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Người bán đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Người bán không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Người bán đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng.

Phương pháp kế toán

Kế toán hàng bán sử dụng một số chứng từ sau:

- Hóa đơn GTGT (khấu trừ hoặc trực tiếp)
- Hóa đơn bán hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Giấy nộp tiền, bảng kê thu tiền hằng ngày

- Bảng kê hàng bán

Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết kế toán TK 511
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ Nhật ký Chung, sổ Cái TK 511,..

Tùy theo đặc thù ngành nghề kinh doanh mà mỗi đơn vị kinh doanh có phát sinh thêm những chứng từ khác.

Tài khoản sử dụng:

Tên TK: TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TK 511 được dùng để phản ánh tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế của doanh nghiệp.

Kết cấu của TK 511:

Bên Nợ	TK 511	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> + Thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT (theo phương pháp trực tiếp) phải nộp tính trên doanh thu thực tế của DN thực hiện trong kỳ. + Khoản giảm giá hàng bán . + Trị giá hàng bán bị trả lại. + Khoản chiết khấu thương mại. + Kết chuyển DT bán hàng sang TK 911 để xác định kết quả KD. 	<ul style="list-style-type: none"> + DT bán sản phẩm hàng hóa và cung cấp lao vụ, dịch vụ của DN thực hiện trong kỳ kế toán. 	

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

TK 511 có 5 TK cấp 2:

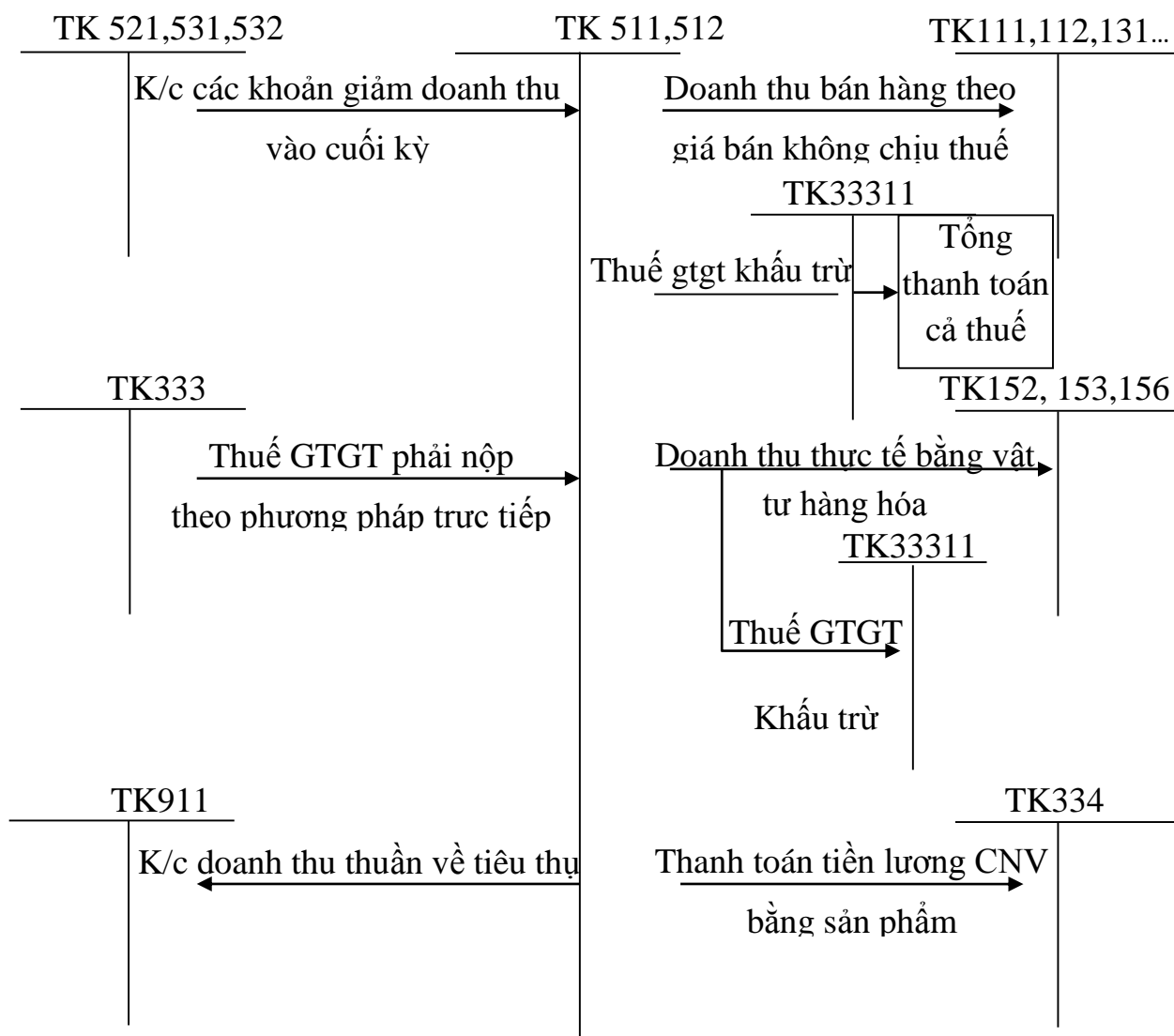
TK 5111: DT bán hàng hóa được sử dụng chủ yếu cho các công ty kinh doanh hàng hóa.

TK 5112: DT bán hàng hóa được sử dụng cho các công ty xây dựng.

TK 5113: DT cung cấp dịch vụ được sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch...

TK 5114: DT trợ cấp giá được sử dụng để phản ánh các khoản thu trừ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi công ty thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

TK 5117: Công ty kinh doanh bất động sản bao gồm số tiền cho thuê tính theo kỳ báo cáo và giá bán bất động sản đầu tư.



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu nội bộ

Tên tài khoản: TK 512 –Doanh thu nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của một số hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Ngoài ra, tài khoản này còn được sử dụng để theo dõi một số nội dung được coi là tiêu thụ nội bộ khác như sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trả lương, thưởng... cho người lao động...

TK 512 được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5121 “Doanh thu bán hàng hóa từ các công ty chuyên kinh doanh hàng hóa”

+ Tài khoản 5122 “Doanh thu bán hàng hóa từ các công ty xây dựng”

+ Tài khoản 5123 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”

1.2.2. Kế toán giá vốn

Tài khoản 632 được dùng để theo dõi trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa xuất bán trong kỳ. GVHB có thể là dịch vụ hay trị giá mua và phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã tiêu thụ.

Các phương pháp xác định giá vốn của hàng hóa tiêu thụ:

Đánh giá hàng hóa theo giá vốn

- Phương pháp giá đơn vị bình quân: Theo phương pháp này thì giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng nhập trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Giá thực tế vật liệu xuất dùng = Số lượng xuất dùng x Giá đơn vị bình quân

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO): Theo phương pháp này giả thiết rằng số hàng hóa nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất.

- Phương pháp thực tế đích danh: Theo phương pháp này thì hàng hóa được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô hàng và giữ nguyên từ lúc nhập kho cho đến lúc xuất dùng (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất hàng hóa nào sẽ tính theo giá thực tế của lô hàng đó.

Giá hàng hóa theo giá hạch toán

Giá thực tế
hàng xuất kho = ***Trị giá hạch toán***
hàng hóa xuất kho \times ***Hệ số giá***

*trong kỳ**trong kỳ*

Chứng từ sử dụng trong công tác kế toán giá vốn hàng bán:

- Phiếu xuất kho
- Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn hàng hóa
- Bảng tính phân bổ giá

Sổ sách:

- Sổ chi tiết TK 632
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ Nhật ký Chung, sổ Cái TK 632,...

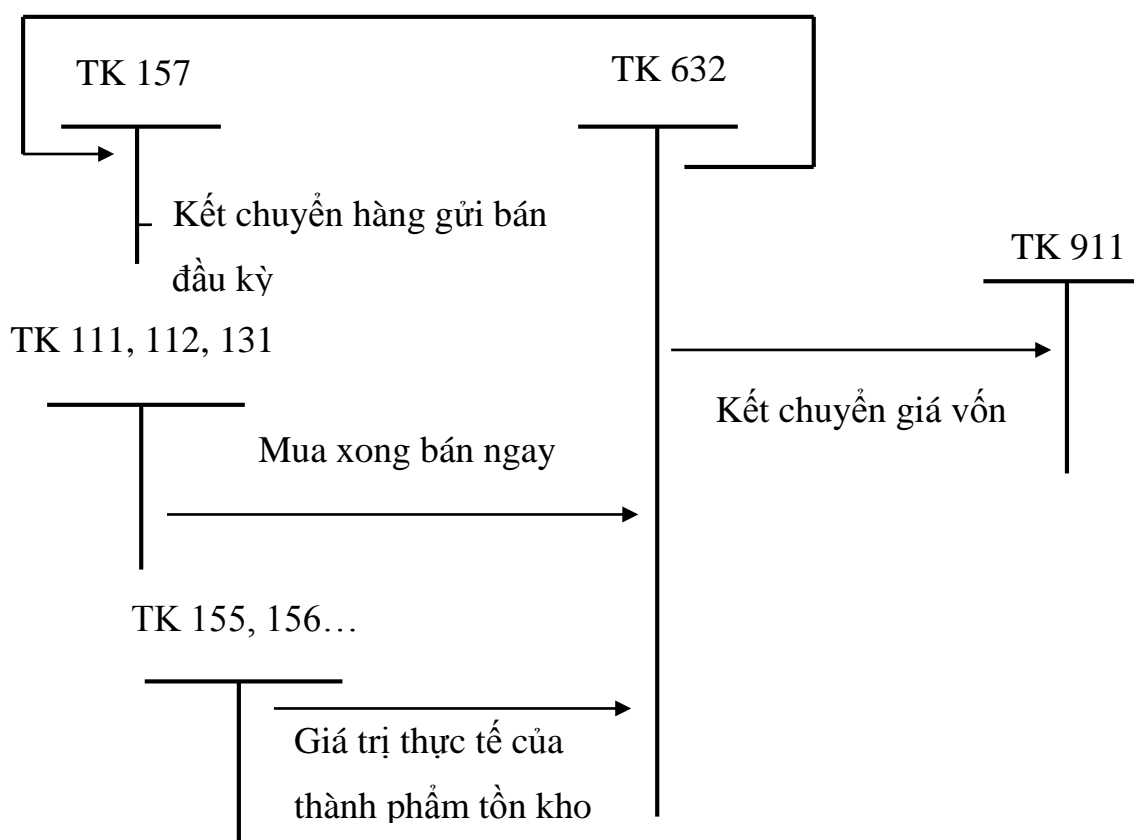
TK sử dụng: TK 632- giá vốn hàng bán

Kết cấu của TK 632

Bên Nợ	TK 632	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> + Phản ánh giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã tiêu thụ trong kỳ. + Khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. + Số lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> + Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Khoản chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước). + Giá vốn hàng bán bị trả lại. + Kết chuyển giá vốn của hàng hóa sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ vào toàn bộ chỉ KD bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK 911. 	

TK 632 không có số dư

Kết chuyển hàng chưa tiêu thụ cuối kỳ



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán

Một số nghiệp vụ chủ yếu của doanh thu và giá vốn:

Khi xuất hàng hóa bán cho người mua, kế toán ghi 2 bút toán:

Bút toán 1: Phản ánh giá vốn của số hàng bán

Nợ TK 632: Ghi tăng giá vốn hàng bán trong kỳ

Có TK 156: chi tiết cho hàng hóa

Bút toán 2: Phản ánh doanh thu

Nợ TK 111, 112: Ghi tổng giá trị thanh toán đã thu bằng tiền

Nợ TK 131: Ghi tổng giá trị thanh toán bán chịu

Có TK 511: Ghi doanh thu bán hàng

Có TK 33311: Ghi thuế GTGT phải nộp

Với hàng bán chịu thuế TTĐB và thuế GTGT thì ngoài bút toán phản ánh giá vốn và doanh thu như trên, kế toán còn phản ánh thuế TTĐB và ghi:

Nợ TK 511: Ghi giảm doanh thu

Có TK 3332: Thuế TTĐB phải nộp

Khi người mua thanh toán tiền nợ

+ Nếu trả bằng tiền

Nợ TK 111, 112: Tăng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Có TK 131: Tổng số trừ vào tài khoản phải thu

+ Nếu thanh toán bằng hàng hóa

Nợ TK 151, 152, 153, 156: giá trị không thuế

Nợ TK 1331: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 131: tổng số trừ vào khoản phải thu

Khi xuất hàng gửi đi theo hợp đồng ký kết

Nợ TK 157: Ghi theo giá vốn thực tế của hàng gửi bán

Có TK 156: chi tiết cho tài khoản.

Khi người mua chấp nhận thanh toán một phần hoặc toàn bộ số hàng gửi bán. Kế toán ghi 2 bút toán

Bút toán 1: Phản ánh giá vốn của số hàng được chấp nhận

Nợ TK 632: Ghi theo giá vốn

Có TK 157: Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ

Bút toán 2: Phản ánh doanh thu

Nợ TK 111, 112, 131: Tổng số đã thu hoặc phải thu

Có TK 511: Doanh thu chưa thuế

Khi giao hàng cho bên đại lý, ghi

Nợ TK 157: Ghi theo giá vốn

Có TK 156: chi tiết cho hàng hóa.

Khi bên đại lý thông báo đã bán được hàng

Bút toán 1: phản ánh giá vốn

Nợ TK 632: Ghi theo giá vốn

Có TK 157: Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ

Bút toán 2: Phản ánh doanh thu bán hàng đại lý

Nợ Tk 131- Chi tiết đại lý

Có TK 511- Doanh thu chưa thuế

Có TK 33311: Thuế GTGT đầu ra

Chi phí hoa hồng cho đại lý, kế toán ghi:

Nợ TK 6421: Chi phí hoa hồng cho đại lý

Có TK 131: Số tiền giảm nợ cho đại lý

Khi nhận tiền bán hàng do đại lý giao

Nợ TK 111, 112: ghi số tiền thực thu

Có TK 131- Chi tiết đại lý

1.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3.1. Chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là số tiền thưởng cho khách hàng tính trên giá bán đã thỏa thuận và được ghi trên hợp đồng mua bán và cam kết về mua bán và phải được thể hiện rõ trên chứng từ bán hàng. Chiết khấu thương mại bao gồm các khoản hồi khấu (là số tiền thưởng cho khách hàng do trong một khoảng thời gian nhất định đã tiến hành mua một khối lượng lớn hàng hóa) và bớt giá (là các khoản giảm trừ cho khách hàng vì mua lượng lớn hàng hóa trong một đợt).

Tài khoản sử dụng:

Tên TK: TK 521 - chiết khấu thương mại.

Kết cấu của TK 521:

Bên Nợ	TK 521	Bên Có
+ Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho người mua trong kỳ (bớt giá, hồi khấu)		+ Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản DT bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định DT thuần của kỳ kế toán.

-Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

Chứng từ sử dụng:

Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng (chi tiết phần chiết khấu).

Sổ sách:

- Sổ chi tiết: Sổ kế toán chi tiết TK 521.

- Sổ tổng hợp: Tùy thuộc vào hình thức kế toán sử dụng.

Một số nghiệp vụ chủ yếu

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi sổ

Nợ TK 521: Tập hợp chiết khấu thương mại phát sinh

Nợ TK 3331 (33311): Thuế GTGT trả lại cho khách hàng tương ứng với số chiết khấu thương mại phát sinh

Có TK 131: Trừ vào số tiền phải thu ở người mua hoặc

Có TK 111, 112, 3388: Khoản hồi khấu đã trả bằng tiền hay chấp nhận trả

Cuối kỳ, kết chuyển tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang TK 511 để xác định doanh thu thuần, kế toán ghi:

Nợ TK 511 (hoạt động doanh thu)

Có TK 521: Kết chuyển chiết khấu thương mại

1.2.3.2. Hàng bán bị trả lại

Doanh thu hàng bán bị trả lại là doanh thu của số hàng đã được tiêu thụ (đã ghi nhận doanh thu) nhưng được người mua trả lại, từ chối không mua nữa. Nguyên nhân trả lại thuộc về phía người bán (vi phạm các điều kiện để cam kết trong hợp đồng nhưng không phù hợp yêu cầu, tiêu chuẩn, quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại...)

Chứng từ sử dụng:

- Biên bản thỏa thuận giữa người bán và người mua về việc trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại.
- Xuất hóa đơn bán hàng hoặc hóa đơn GTGT kèm theo biên bản thỏa thuận về việc trả hàng.

Sổ sách:

- Sổ chi tiết: Sổ kế toán chi tiết TK 531.
- Sổ tổng hợp: Tùy thuộc vào hình thức kế toán sử dụng

TK sử dụng: TK 531 - hàng bán bị trả lại.*Kết cấu của TK 531:*

Bên Nợ	TK 531	Bên Có
+ DT của hàng bị trả lại phát sinh trong kỳ.		+ Kết chuyển DT của hàng bán bị trả lại sang TK 511 để xác định DT thuần của kỳ kế toán.

TK 531 không có số dư cuối kỳ

Một số nghiệp vụ chủ yếu:

Căn cứ các chứng từ liên quan đến hàng bán bị trả lại, kế toán ghi các bút toán sau:

Bút toán 1: Trị giá vốn của hàng bán bị trả lại

Nợ TK 1561, 157: Nếu nhập kho hàng hóa hay đang gửi tại kho người mua

Nợ TK 1381: Nếu giá trị hàng hóa chờ xử lý

Có TK 632: Ghi giá vốn hàng bán bị trả lại

Bút toán 2: Tổng giá thanh toán của hàng bán bị trả lại

Nợ TK 531: Ghi doanh thu của hàng bán bị trả lại

Nợ TK 33311: Thuế GTGT trả lại cho khách hàng tương ứng với số hàng bán bị trả lại

Có TK 131, 111, 112... Ghi tổng giá thanh toán của hàng tiêu thụ bị trả lại

Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại (nếu có)

Nợ TK 6421: Tăng chi phí bán hàng

Có TK 111, 112: Giảm tiền mặt, TGNH

Có TK 141: Tạm ứng

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ khoản hàng bán trả lại đã phát sinh trong kỳ sang TK 511, để xác định doanh thu thuần, kế toán ghi:

Nợ TK 511(hoạt động bán hàng)

Có TK 531: kết chuyển hàng bán trả lại.

1.2.3.3. Kế toán giảm giá hàng bán

Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cho khách hàng trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân thuộc về người bán như: hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (thể hiện phần chi tiết giảm giá hàng bán)
- Biên bản thỏa thuận giảm giá

Sổ sách:

+Sổ chi tiết: Sổ kế toán chi tiết TK 532

+Sổ tổng hợp: Tùy thuộc vào hình thức kế toán sử dụng.

TK sử dụng: TK 532 – giảm giá hàng bán

Kết cấu của TK 532:

Bên Nợ	TK 532	Bên Có
+ Tập hợp các khoản giảm giá hàng bán chấp thuận cho người mua trong kỳ kế toán. TK 532 không có số dư cuối kỳ	+ Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán.	

Một số nghiệp vụ chủ yếu:

Căn cứ vào chứng từ chấp nhận giảm giá hàng bán cho khách hàng, kế toán ghi:

Nợ TK 532: Tập hợp giảm giá hàng bán phát sinh

Nợ TK 33311: Thuế GTGT trả lại cho khách hàng tương ứng với số giảm giá hàng bán

Có TK 111, 112, 131, 1388....: Số giảm giá hàng bán thực tế đã trả, khấu trừ hay chưa trả.

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản giảm giá hàng bán đã phát sinh trong kỳ sang TK 511, để xác định doanh thu thuần, kế toán ghi:

Nợ TK 511 (hoạt động bán hàng)

Có TK 532: Kết chuyển giảm giá hàng bán

1.2.3.4. Các khoản thuế giảm trừ doanh thu**Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty phải nộp khoản này khi công ty kinh doanh mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Khoản thuế tiêu thụ đặc biệt này sẽ làm giảm doanh thu hàng hóa bán ra, khi đó kế toán định khoản:

Nợ TK 511: Doanh thu hàng hóa bán ra trong kỳ

Có TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế xuất khẩu

Công ty phải nộp thuế xuất khẩu khi công ty có xuất khẩu trực tiếp các hàng hóa.

Khoản thuế xuất khẩu này sẽ làm giảm doanh thu hàng hóa bán ra, khi đó kế toán định khoản:

Nợ TK 511: Doanh thu hàng hóa bán ra trong kỳ

Có TK 3333: Thuế xuất khẩu

1.3. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ

1.3.1. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.1.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí mà công ty bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ như chi phí nhân viên, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo,... Để phản ánh các khoản chi phí bán hàng phát sinh, kế toán sử dụng tài khoản 6421 “Chi phí bán hàng”

Chứng từ sử dụng:

- Bảng thanh toán tiền lương (chi tiết tại bộ phận bán hàng)
- Phiếu chi, giấy báo Nợ của ngân hàng
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng... liên quan đến bộ phận bán hàng

Sổ sách:

- Sổ chi tiết kế toán TK 6421.
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ Nhật ký Chung, sổ Cái TK 642,...

Kết cấu của TK 6421

Bên Nợ	TK 6421	Bên Có
+ Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.		+ Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng. + Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để xác định kết quả KD hoặc vào TK142, 242.

TK 6421 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Nợ TK 6421: Tập hợp chi phí nhân viên

Có TK 334: Tiền lương, tiền công phải trả

Có TK 338 (3382, 3383, 3384, 3389): Trích KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN

- Chi phí vật liệu, bao bì phục vụ cho bán hàng

Nợ TK 6421: Tăng chi phí bán hàng

Có TK 155 (chi tiết hàng hóa)

Chi phí phục vụ cho tiêu dùng

Nợ TK 6421: Tăng chi phí bán hàng

Có TK 111: Xuất dùng với giá trị nhỏ

- Chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng

Nợ TK 6421: Tăng chi phí bán hàng

Có TK 214: Khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng

- Trích lập dự phòng phải trả về chi phí sửa chữa, bảo hành hàng hóa:

Nợ TK 6421: Tăng chi phí bán hàng

Có TK 352: Trích lập dự phòng phải trả

- Giá trị dịch vụ mua ngoài liên quan đến bán hàng (kể cả hoa hồng đại lý, hoa hồng ủy thác xuất khẩu):

Nợ TK 6421: Trị giá dịch vụ mua ngoài

Nợ TK 133 (1331): Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331, 131, 3388.....: Tổng giá thanh toán

- Chi phí theo dự toán tính vào chi phí bán hàng kỳ này

Nợ TK 6421 (chi tiết tiểu khoản)

Có TK142, 242: Phân bổ dần chi phí trả trước

Có TK 335: Trích trước chi phí phải trả theo kế hoạch

- Chi phí khách bằng tiền phát sinh trong kỳ

Nợ TK 6421: Tập hợp chi phí khác bằng tiền

Nợ TK 133 (1331): Thuế GTGT đầu vào (nếu có)

Có TK (111, 112...)

- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng

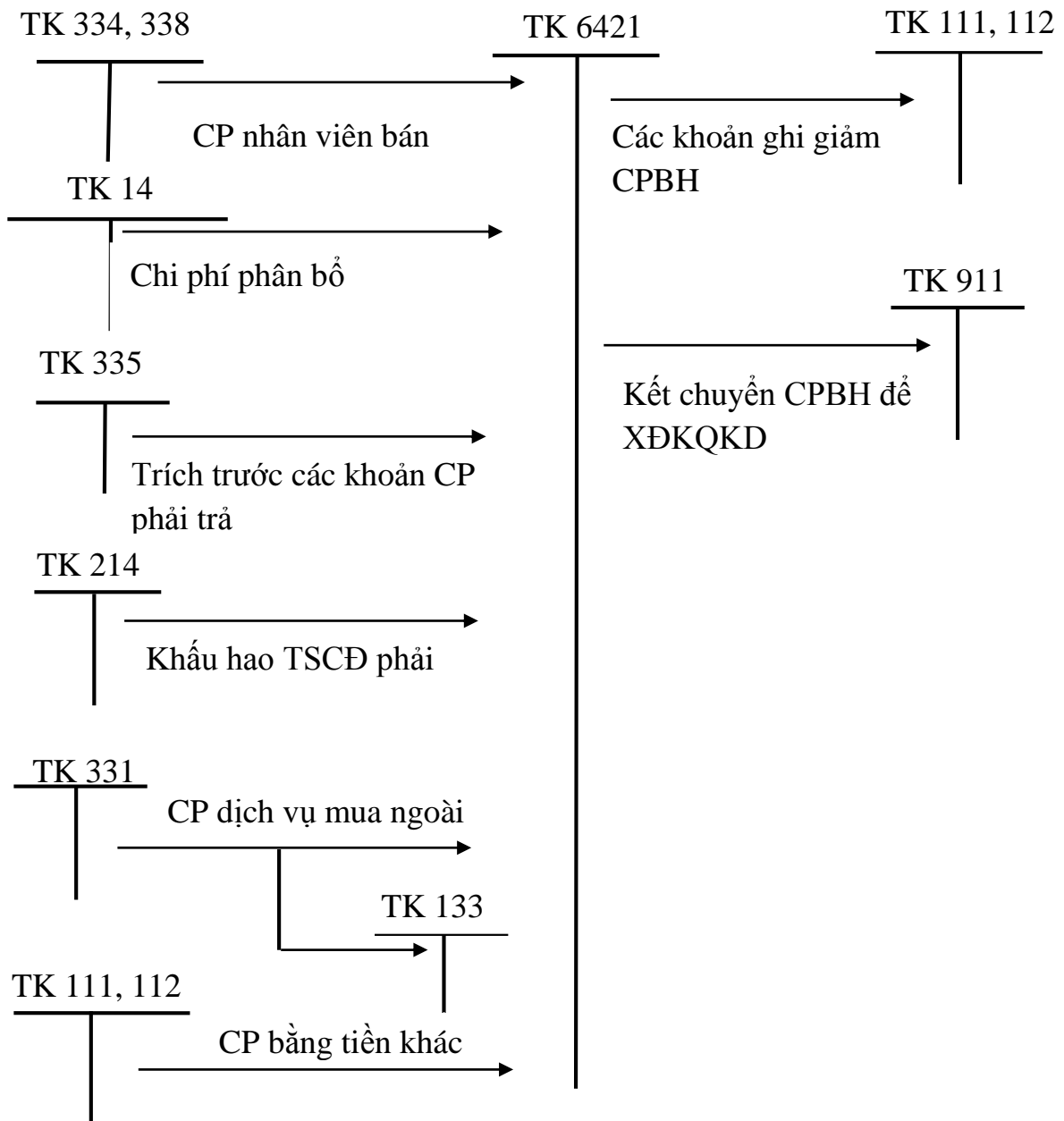
Nợ TK liên quan (111, 138...)

Có TK 6421: Giảm chi phí bán hàng

- Cuối kỳ, kết chuyển chi phí bán hàng

Nợ TK 911: Chi phí bán hàng trừ vào kết quả trong kỳ

Có TK 6421 (chi tiết tiểu khoản)



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng

1.3.1.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí phát sinh liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả công ty mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Thuộc chi phí quản lý DN bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp khi phát sinh được tập hợp theo từng yếu tố như chi phí nhân viên, chi phí vật liệu... Các khoản chi này được kế toán phản ánh trên tài khoản 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

Chứng từ sử dụng:

- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương- BHXH, bảng thanh toán BHXH
- Các hóa đơn dịch vụ, phiếu chi, giấy báo Nợ của ngân hàng
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng...

Sổ sách:

- Sổ chi tiết kế toán TK 6422
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ Nhật ký Chung, sổ Cái TK 642,...

Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu

- Chi phí nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 6422: Tập hợp chi phí nhân viên

Có TK 334: Tiền lương, tiền công phải trả

Có TK 338 (3382, 3383, 3384, 3389): Trích KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN

- Chi phí bao bì phục vụ cho quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 6422: Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 111(chi tiết hàng hóa)

- Chi phí dụng cụ phục vụ cho quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 6422: Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 153: Xuất dùng với giá trị nhỏ

- Chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 6422: Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 214: Khấu hao TSCĐ ở bộ phận quản lý

- Thuế môn bài, thuế nhà đất... phải nộp ngân sách

Nợ TK 6422: Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 333 (3337, 3338...): Số phải nộp ngân sách

- Số phí giao thông, cầu phà đã nộp hay phải nộp

Nợ TK 6422: Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK liên quan (111, 112, 3339...)

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 6422: Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

- Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Nợ TK 6422: Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 352: Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

- Trích lập dự phòng rủi ro phải trả về chi phí tái cơ cấu công ty, dự phòng phải trả cho hợp đồng rủi ro lớn và dự phòng phải trả khác.

Nợ TK 6422: Tăng chi phí quản lý DN

Có TK 352: Tăng dự phòng phải trả

- Giá trị dịch vụ mua ngoài liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 6422: Trị giá dịch vụ mua ngoài

Nợ TK 133 (1331): Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331, 131, 3388...: Tổng giá thanh toán

- Chi phí theo dự toán tính vào chi phí QLDN kỳ này

Nợ TK 6422 (chi tiết tiểu khoản)

Có TK 142, 242: Phân bổ chi phí trả trước

Có TK 335: Trích trước chi phí phải trả theo kế hoạch

- Các chi phí phát sinh trong kỳ (chi phí hội nghị, tiếp khách, chi cho lao động nữ, chi nghiên cứu, đào tạo, chi nộp lệ phí tham gia hiệp hội, chi nộp quỹ cho cấp trên...)

Nợ TK 6422: Tập hợp chi phí khác liên quan đến quản lý DN

Nợ TK 133 (1331): Thuế GTGT đầu vào (nếu có)

Có TK 111, 112, 331, 336...

- Phản ánh các khoản chi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp (phế liệu thu hồi, vật tư xuất dùng không hết...)

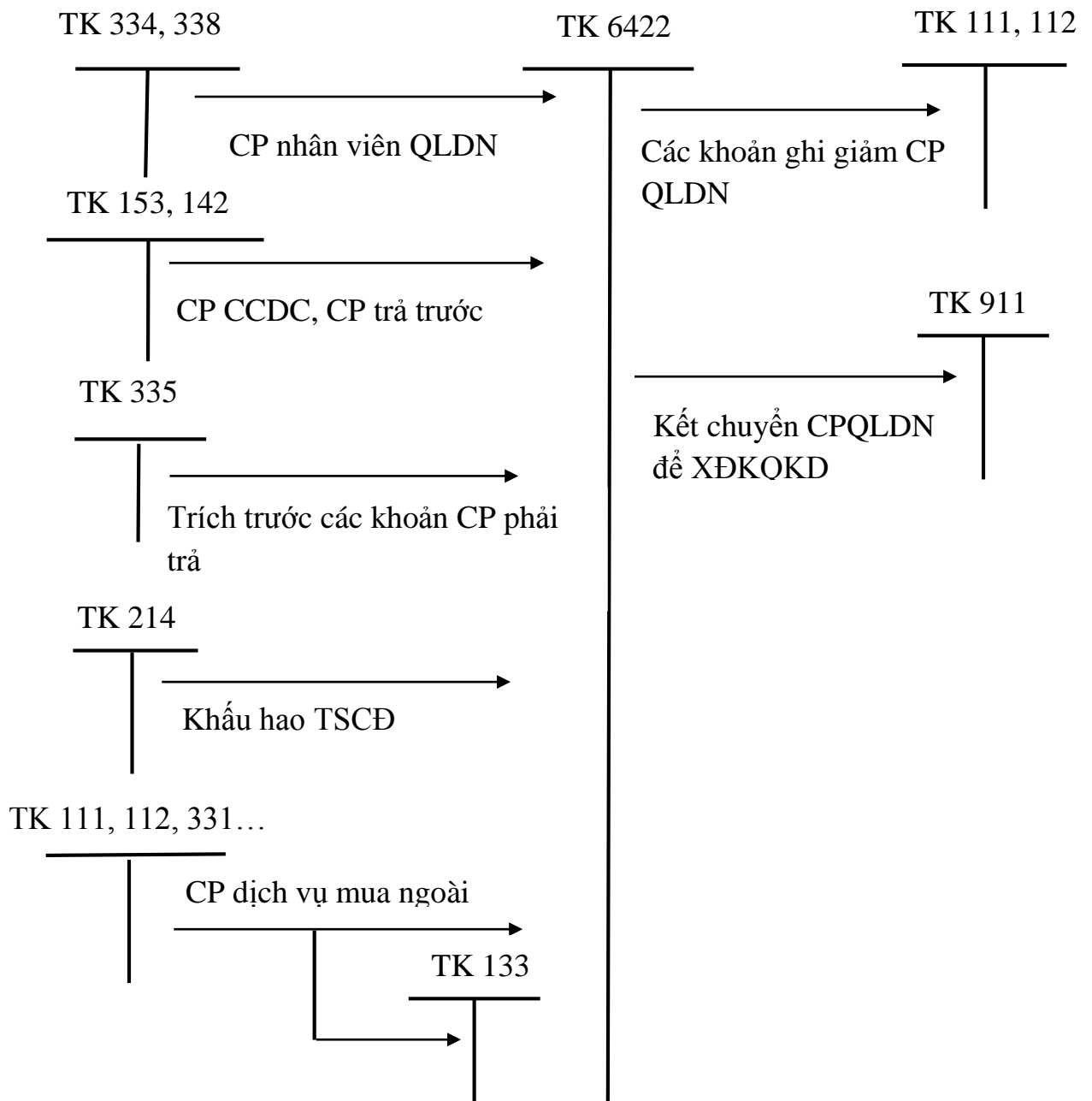
Nợ TK 111, 112, 138...

Có TK 6422: Giảm chi phí quản lý DN

- Kết chuyển chi phí quản lý DN trừ vào kết quả:

Nợ TK 911 : xác định kết quả tiêu thụ

Có TK 6422: Kết chuyển chi phí quản lý DN



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.2. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ

1.3.2.1. Xác định doanh thu thuần

Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu

Nợ TK 511 (hoạt động bán hàng)

Có TK 521, 531, 532: kết chuyển các khoản giảm trừ.

1.3.2.2. Xác định kết quả tiêu thụ

$$\begin{array}{rcccl} & & \text{DT thuần} & & \\ & & \text{về bán} & & \\ \text{Kết quả} & & & & \\ \text{tiêu thụ} & = & \text{hàng và} & - & \text{Giá} & - & \text{Chi} & - & \text{Chi phí} \\ & & \text{cung cấp} & & \text{vốn} & & \text{phí} & & \text{QLDN} \\ & & \text{dịch vụ} & & \text{hàng} & & \text{bán} & & \\ & & & & \text{bán} & & \text{hàng} & & \end{array}$$

TK sử dụng: TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu của TK 911:

Bên Nợ	TK 911	Bên Có
+ Trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã tiêu dùng trong kỳ.		+ Kết chuyển DT thuần về số hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.
+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN kết chuyển.		
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ		

Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

- Kết chuyển DT thuần trong kỳ

Nợ TK 511, 512...

Có TK 911

- Kết chuyển giá vốn hàng bán để xác định kết quả tiêu thụ

Nợ TK 911

Có TK 632

- Kết chuyển chi phí bán hàng

Nợ TK 911

Có TK 6421

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 911

Có TK 6422

- Nếu cuối kỳ dư có TK 911 lớn hơn bên nợ TK 911 thì DN có lãi

Nợ TK 911

Có TK 4212 (lợi nhuận chưa phân phối)

- Nếu cuối kỳ dư nợ TK 911 lớn hơn bên có TK 911 thì DN lỗ

Nợ TK 4212

Có TK 911

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH VY

2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Vy

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

2.1.1.1. Tên, địa chỉ công ty

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH VY

Địa chỉ: thôn Hòa Đa, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

ĐT: 0573789199

Email: thanhvy1976@gmail.com

2.1.1.2. Thời điểm thành lập và các mốc quan trọng

Công ty thành lập ngày 10/09/2010

Mã số thuế: 4400980801

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: mua bán vật liệu xây dựng, vận chuyển,...cho các cơ quan doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.

Công ty TNHH TM & DV Thành Vy được cấp giấy phép kinh doanh số 5402774238 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

2.1.1.3. Quy mô hiện tại của công ty

Sau 5 năm hoạt động công ty đã trở thành một công ty cung cấp xi măng có uy tín và ngày càng phát triển vững chắc ở Phú Yên, với:

Vốn điều lệ ban đầu là 4.700.000.000 đồng.

Số lao động thường xuyên là 20 người

Quy mô doanh nghiệp nhỏ

2.1.1.4. Kết quả kinh doanh của công ty

Bảng 2.1 Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của công ty 2013-2015

Chỉ tiêu	Năm		
	2013	2014	2015
1. Tổng doanh thu	29.621.872.414	32.566.588.899	35.786.980.523
2. Tổng chi phí	29.571.339.198	32.511.272.381	35.725.349.648
3. Lợi nhuận trước thuế	50.533.216	55.316.518	61.630.875
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.633.304	13.829.130	13.558.793

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty

2.1.2.1. Chức năng của công ty

Công ty là công ty kinh doanh, hạch toán độc lập tự chủ về mặt tài chính và vốn trong hoạt động kinh doanh của mình, công ty tự tin vào khả năng của mình sẽ góp phần phát triển ngành xây dựng và cải tạo quy hoạch miền Trung ngày một đổi mới với những ngành nghề kinh doanh mà công ty cung cấp.

Chức năng chính của công ty là cung ứng xi măng.

2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty

Bảo toàn và phát triển nguồn vốn được giao và nộp ngân sách Nhà nước.

Thực hiện chế độ thu chi hóa đơn chứng từ theo chế độ hạch toán của Nhà nước.

Đảm bảo tốt công tác quản lý nguyên vật liệu, đảm bảo lưu thông hàng hóa thường xuyên, ổn định và liên tục trên thị trường.

Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, mở rộng kinh doanh và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.3.1. Loại hình và các loại hàng hóa mà công ty đang kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty là cung ứng xi măng các loại.

2.1.3.2. Thị trường đầu vào và đầu ra của công ty

Thị trường đầu vào của công ty

Thị trường đầu vào là các công ty doanh nghiệp chuyên sản xuất vật liệu xây dựng Công ty TNHH TM&DV Thành Tỷ Ninh Hòa, Xí nghiệp Tư Doanh Thành Công, Công ty TNHH Mai Thu Hương,...

Thị trường đầu ra của công ty

Thị trường đầu ra của công ty là tất cả doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

2.1.3.3. Vốn kinh doanh của công ty

Vốn kinh doanh ban đầu của công ty chủ yếu từ nguồn chính là vốn chủ sở hữu. Năm 2014 nguồn vốn của công ty là 10.625.504.254 đồng trong đó gồm 6.158.110.038 đồng là nợ vay ngắn hạn và chiếm dụng của nhà cung cấp. Công ty đã chiếm dụng vốn từ bên ngoài.

2.1.3.4. Đặc điểm nguồn lực chủ yếu của công ty

Bảng số liệu dưới đây cho thấy, trong tổng số TSCĐ thì TSCĐ dùng cho bán hàng chiếm tỷ trọng lớn

Bảng 2.2: Bảng tài sản cố định của công ty tính đến đầu năm 2015

Mã	Tên TSCĐ	Nguyên giá	KH lũy kế	Giá trị còn lại
TS 01	Bộ máy vi tính, kho hàng	22.999.990	11.499.990	11.500.000
TS 02	Xe toyota altis, kho hàng	287.436.874	101.073.238	186.363.636
Cộng		310.634.864	112.573.228	197.863636

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

Công ty có 20 lao động thường xuyên. Trình độ đại học và cao đẳng chiếm 45%. Còn lại trung cấp với lao động phổ thông chiếm 55%. Tỷ lệ giới tính là nam chiếm hai phần

Bảng 2.3: Bảng phân loại lao động của công ty

STT	Tiêu thức phân loại	Số người	Tỷ trọng
<i>I</i>	<i>Theo trình độ</i>	20	100%
1	Đại học	4	20%
2	Cao đẳng	5	25%
3	Trung cấp	3	15%
4	Lao động phổ thông	8	40%
<i>II</i>	<i>Theo giới tính</i>	20	100%
1	Nam	13	65%
2	Nữ	7	35%
	Tổng số lao động	20	100%

(Nguồn: Phòng Tổ chức – Hành chính)

2.1.4. Đặc điểm tổ chức kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

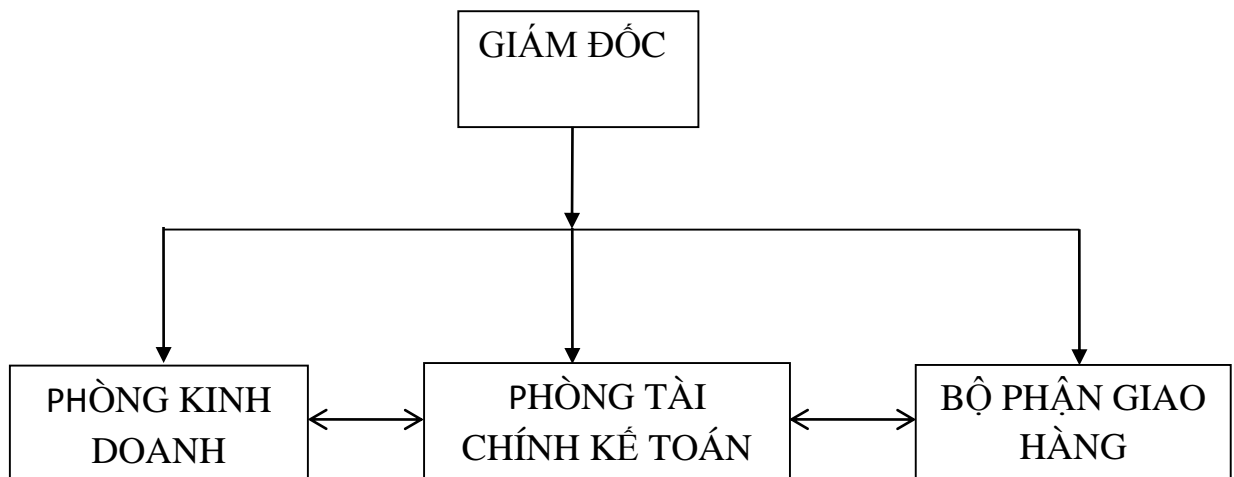
2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức quản lý

Để đứng vững và phát triển trong nền kinh tế thị trường điều quan trọng là phải bố trí cơ cấu quản lý phù hợp với quy mô và khả năng sản xuất của công ty.

Để phù hợp với quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh, bộ phận quản lý của công ty được hình thành theo cơ cấu phòng ban với chức năng và nhiệm vụ khác nhau.

Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty được thiết lập theo mô hình trực tuyến. Giám đốc là người đứng đầu có quyết định cao nhất, dưới là các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ khác nhau.

Sau đây là sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Vy:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty

Chú thích: \longrightarrow quan hệ chỉ đạo

\longleftrightarrow quan hệ phối hợp

2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

Giám đốc công ty: là người trực tiếp lãnh đạo, điều hành hoạt động của công ty qua bộ máy lãnh đạo của công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty, các quan hệ nội và đối ngoại, hoạt động của công ty.

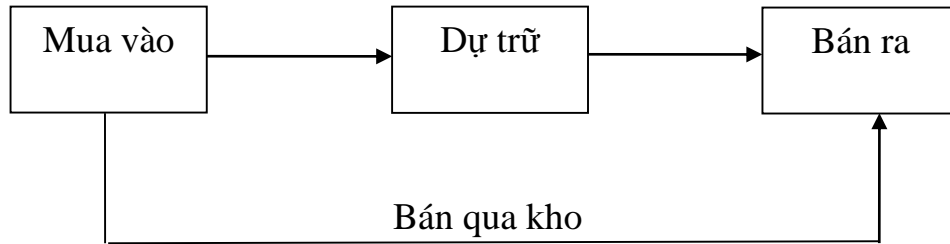
Phòng kinh doanh: Tổ chức các hoạt động kinh doanh, diễn hàng, chăm sóc khách hàng hằng ngày. Là bộ phận đưa ra đơn đặt hàng và các hợp đồng kinh tế.

Phòng kế toán tài chính: Có nhiệm vụ theo dõi và phản ánh lên sổ sách kế toán trên các chứng từ hằng ngày. Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán định kỳ. Đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo những hoạt động tài chính, những thông tin cần thiết để kịp thời điều chỉnh quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

Bộ phận giao hàng: nhiệm vụ chuyên chở hàng hóa theo chỉ đạo của nhân viên diễn hàng.

2.1.4.3. Tổ chức kinh doanh tại công ty

Với đặc điểm của một doanh nghiệp thương mại, công việc kinh doanh là mua vào và bán ra nên công tác tổ chức kinh doanh là tổ chức quy trình luân chuyển hàng hóa chứ không phải là quy trình công nghệ sản xuất. Công ty áp dụng đồng thời áp dụng cả hai phương thức mua bán qua kho. Quy trình luân chuyển hàng hóa của công ty được thực hiện như sơ đồ sau



Bán giao hàng thẳng không qua kho

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ luân chuyển hàng hóa

2.1.5. Đặc điểm kế toán của công ty

2.1.5.1. Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01/N kết thúc vào ngày 31/12/N

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam

Chế độ kế toán áp dụng: doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: giá gốc

Phương pháp tính giá hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân cả kỳ dự trữ

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp khấu hao tài sản cố định đang áp dụng: phương pháp đường thẳng.

2.1.5.2. Bộ máy kế toán của công ty

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý ở trên phù hợp với điều kiện và trình độ quản lý. Công ty Thành Vy áp dụng hình thức tổ chức công tác bộ máy kế toán tập trung, hầu hết mọi

công việc kế toán được thực hiện ở phòng kế toán trung tâm, từ khâu thu nhập kiểm tra chứng từ, ghi sổ đến khâu tổng hợp, lập báo cáo kế toán, từ kế toán chi tiết đến kế toán tổng hợp.

Ở phòng kế toán mỗi nhân viên kế toán đều đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của kế toán trưởng. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức bố trí 5 nhân viên có trình độ cao đẳng trở lên, nắm vững chuyên môn.

Kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán: là người tổ chức chỉ đạo toàn diện công tác kế toán và toàn bộ các mặt công tác của phòng, là người quản lý về mặt tài chính của công ty. Kế toán trưởng có quyền dự các cuộc họp của công ty bàn và quyết định về các vấn đề thu chi, kế hoạch kinh doanh, quản lý tài chính, đầu tư, mở rộng kinh doanh, nâng cao đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên.

Kế toán tổng hợp: là người tổng hợp đối chiếu số liệu tổng hợp với chi tiết, xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính.

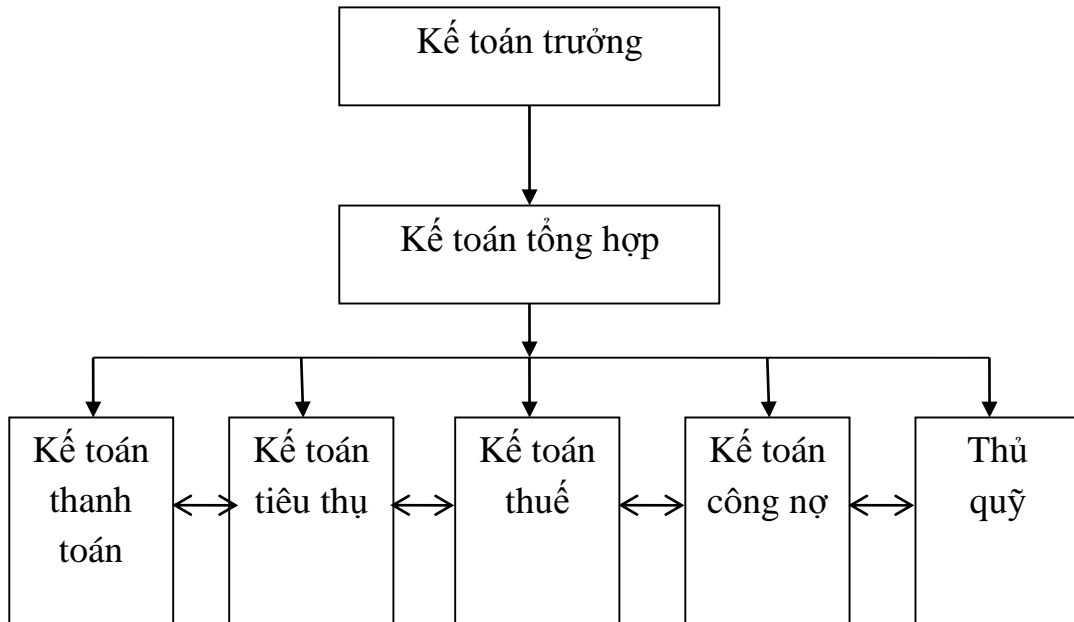
Kế toán vốn bằng tiền: có nhiệm vụ lập các chứng từ kế toán vốn bằng tiền như phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi, séc bảo chi, séc tiền mặt, séc chuyển khoản, ghi sổ kế toán chi tiết tiền mặt, sổ kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng để đối chiếu với sổ tổng hợp... kịp thời phát hiện các khoản chi không đúng chế độ, sai nguyên tắc, lập báo cáo thu chi tiền mặt.

Kế toán công nợ: có nhiệm vụ lập chứng từ ghi sổ kế toán chi tiết công nợ, thanh toán, lập báo cáo công nợ và các báo cáo thanh toán.

Kế toán tiêu thụ: tổ chức sổ sách kế toán phù hợp với phương pháp kế toán bán hàng trong công ty. Căn cứ vào các chứng từ hợp lệ theo dõi tình hình bán hàng và hoạt động tăng giảm hàng hóa hằng ngày, giá hàng hóa trong quá trình kinh doanh.

Kế toán thuế: căn cứ vào các chứng từ đầu vào hóa đơn GTGT, theo dõi và hạch toán các hóa đơn mua hàng hóa, hóa đơn bán hàng và lập bảng kê chi tiết, tờ khai báo thuế. Đồng thời theo dõi tình hình vật tư hàng hóa của Công ty.

Thủ quỹ: là người thực hiện nghiệp vụ thu, chi phát sinh trong ngày, căn cứ theo chứng từ hợp lệ, ghi sổ kế toán và lập báo cáo hàng ngày.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty

Chú thích: \longrightarrow quan hệ chỉ đạo
 \longleftrightarrow quan hệ phối hợp

2.1.5.3. Hình thức kế toán mà công ty áp dụng

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ tổng hợp ghi theo trình tự thời gian trên sổ “Đăng ký chứng từ ghi sổ” và ghi theo nội dung kinh tế trên sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ được kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại. Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm, có chứng từ kế toán đính kèm và phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Trình tự ghi sổ

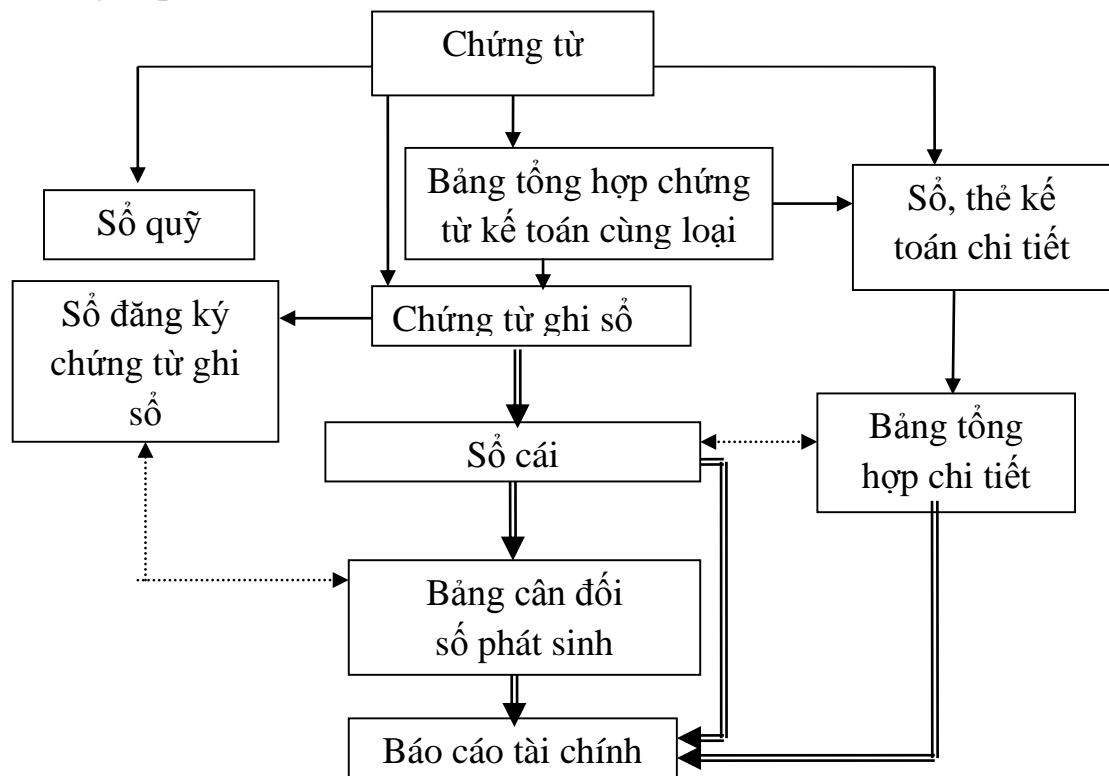
Hằng ngày, căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán tiền mặt ghi vào sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ vào phiếu nhập kho, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho kế toán hàng hóa ghi vào sổ, thẻ chi tiết các đối tượng có liên quan.

Từ các chứng từ ghi sổ ta tổng hợp lên sổ Cái. Sổ Cái là mẫu sổ được lập theo quy định của nhà nước sử dụng theo dõi tổng hợp từng tài khoản, căn cứ đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối kỳ công ty căn cứ vào tổng cộng trên các sổ chi tiết đối chiếu với sổ Cái tài khoản.

Cuối kỳ từ sổ Cái kế toán lập bảng cân đối kế toán.

Từ bảng cân đối tài khoản kế toán tổng hợp tại công ty lập báo cáo kế toán tổng hợp. Sơ đồ hình thức kế toán được thể hiện như sau:



Chú thích:

- > Nhập số liệu hằng ngày
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra
- > Ghi cuối kỳ/định kỳ

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “Chứng từ ghi sổ” tại công ty

2.2. Thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Vy

2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng _mẫu số 01/GTKT3/001
- Phiếu xuất kho _mẫu số 03_PXK_3LL
- Phiếu thu _mẫu số 03-VT
- Bảng kê phiếu xuất, và các bảng kê khác

Các phương thức bán hàng của công ty: bán buôn và bán lẻ

Có hai hình thức bán buôn

+ **Bán hàng qua kho:** Khi các sản phẩm xi măng mua về nhập kho rồi từ kho xuất bán cho các đại lý và khách hàng. Khách hàng đến nhận tại kho công ty. Phương thức bán hàng qua kho có hai hình thức giao nhận là hình thức nhận hàng và hình thức chuyển hàng. Chứng từ trong trường hợp này là hóa đơn bán hàng (hóa đơn thuế GTGT).

- Hình thức nhận hàng: Các đại lý và khách hàng sẽ đến tại kho của công ty hoặc đến một địa điểm do Công ty Thành Vy quy định để nhận hàng.

- Hình thức giao hàng: Công ty Thành Vy sẽ chuyển hàng đến kho của khách hàng hoặc đến địa chỉ do bên mua quy định để giao hàng

+ **Bán hàng vận chuyển thẳng trực tiếp:** Theo hợp đồng đã kí kết giữa công ty với khách hàng công ty sẽ mua các sản phẩm xi măng từ nhà cung cấp sau đó vận chuyển thẳng đến kho của khách hàng hoặc địa điểm đã ghi rõ trong hợp đồng để bán mà không cần phải nhập kho rồi mới xuất bán. Chứng từ trong trường hợp này là hóa đơn (bán hàng, vận chuyển, dịch vụ)

Các phương thức thanh toán tiền hàng

Hiện nay, Công ty Thành Vy có hai phương thức thanh toán chủ yếu là

Bán hàng thu tiền ngay (thanh toán nhanh)

Theo phương thức này, hàng hóa của công ty sau khi giao cho khách hàng phải được thanh toán ngay bằng tiền mặt, séc hoặc chuyển khoản

Bán hàng chưa thu tiền ngay (thanh toán chậm)

Đây là hình thức mua hàng trả tiền sau, theo hình thức này khi công ty xuất hàng thì số hàng đó được coi là tiêu thụ và kế toán tiến hành ghi nhận doanh thu và theo dõi trên sổ chi tiết công nợ.

Trình tự luân chuyển chứng từ tại công ty

Công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{cả kỳ dự} \\ \text{trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá mua thực tế HH tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá mua thực tế HH tồn} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng HH tồn đầu kỳ} \\ + \text{Số lượng HH nhập trong kỳ} \end{array}}$$

Chứng từ nguồn: Hợp đồng mua bán

Chứng từ thực hiện: Phiếu xuất kho

Bước 1: Công ty đề nghị giao hàng.

Bước 2: Giám đốc, kế toán trưởng duyệt đề nghị xuất kho.

Bước 3: Nhân viên phòng kinh doanh lập phiếu xuất kho.

Sau khi tính đơn giá bình quân cho sản phẩm công ty bắt đầu viết phiếu xuất kho.

Bước 4: Thủ kho tiến hành xuất kho.

Bước 5: Kế toán trưởng, giám đốc ký phiếu xuất kho.

Bước 6: Kế toán ghi sổ.

Bước 7: Kế toán lưu trữ chứng từ

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{hóa xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân} \end{array}$$

Các nghiệp vụ khác tính giá vốn tương tự

Sau khi tính đơn giá bình quân cho sản phẩm xi măng công ty bắt đầu viết phiếu xuất kho:

Công ty TNHH TM &DV ThànhVy
 Hòa Đa – An Mỹ -Tuy An – Phú Yên
 ĐT: 0573789199

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 3
 Ngày: 03/12/2015

Họ tên khách hàng: Công Ty CP Xây dựng Phú Yên
 Lý do xuất: Xuất kho Xi Măng bán cho khách hàng
 Xuất tại kho: Hòa Đa, An Mỹ, Tuy An, Phú Yên.

ĐVT: Đồng

S T T	TÊN HÀNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
01	Xi măng Sông Gianh	Tấn	30	1.204.545	36.136.350
02					
03					
04					
05					
06					
07					
08					
09					
10					
	TỔNG TIỀN				36.136.350
Tổng số tiền (viết bằng chữ)		Ba mươi sáu triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm năm mươi đồng.			

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Người lập phiếu
 (ký, họ tên)

Người nhận hàng
 (ký, họ tên)

Thủ kho
 (ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (ký, họ tên)

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Lưu hành nội bộ

Ngày 03 tháng 12 năm 2015

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: KT/13P

Số: 000103

Đơn vị bán hàng

Công ty TNHH TM &DV Thành Vy.

Địa chỉ

Hòa Đa, An Mỹ, Tuy An, Phú Yên

Mã số thuế:

4400980801

Điện thoại

0573789199

Số tài khoản

460220320104 tại Ngân hàng Nông Nghiệp huyện Tuy An

Họ và tên người mua hàng

Đoàn Nhật Quang

Đơn vị mua hàng

Công ty CP xây dựng Phú Yên

Địa chỉ:

Thôn Chí Đức, TT Chí Thạnh, Tuy An, Phú Yên.

Mã số thuế

4400201345

Hình thức thanh toán:

CK Số tài khoản: 4602278849359 .Ngân hàng Đầu tư và Phát triển huyện Tuy An.

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Xi măng Sông Gianh	Tấn	30	1.443.000	43.290.000
	Cộng tiền hàng				43.290.000
	Thuế suất GTGT 10% tiền thuế GTGT				4.329.000
	Tổng cộng tiền thanh toán:				47.619.000
	Số tiền viết bằng chữ:	Bốn mươi bảy triệu, sáu trăm mười chín nghìn đồng.			

Người mua hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Ngân hàng Nông Nghiệp

Địa chỉ: Tuy An, Phú Yên

Mã GDV: 12KN

Mã KH : 41D

Số GD : 013

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 03 tháng 12 năm 2015

Kính gửi: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thành Vy

Mã số thuế: 4400980801

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau

Số TK ghi Có: 460220320104

Số tiền bằng số: 47.619.000

Số tiền bằng chữ: bốn mươi bảy triệu sáu trăm mười chín ngàn.

Nội dung: công ty CP Xây dựng Phú Yên chuyển trả tiền mua hàng.

Giao dịch viên

(ký, họ tên)

Kiểm soát

(ký, họ tên)

Công ty TNHH TM &DV ThànhVy
 Hòa Đa – An Mỹ -Tuy An – Phú Yên
 ĐT: 0573789199

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 5
 Ngày:05/12/2015

Họ tên khách hàng: Võ Văn Đức
 Lý do xuất: Xuất kho Xi Măng bán cho khách hàng
 Xuất tại kho: Hòa Đa, An Mỹ, Tuy An, Phú Yên.

ĐVT: đồng

S T T	TÊN HÀNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
01	Xi măng Hoàng Thạch	Tấn	10	1.204.545	12.045.450
02					
03					
04					
05					
06					
07					
08					
09					
10					
	TỔNG TIỀN				12.045.450
Tổng số tiền (viết bằng chữ)		Mười hai triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi đồng.			

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Người lập phiếu
 (ký, họ tên)

Người nhận hàng
 (ký, họ tên)

Thủ kho
 (ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (ký, họ tên)

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Lưu hành nội bộ

Ngày 05 tháng 12 năm 2015

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: KT/13P

Số: 000105

Đơn vị bán hàng

Công ty TNHH TM &DV Thành Vy.

Địa chỉ

Hòa Đa, An Mỹ, Tuy An, Phú Yên

Mã số thuế:

4400980801

Điện thoại

0573789199

Số tài khoản

460220320104 tại Ngân hàng Nông Nghiệp huyện Tuy An

Họ và tên người mua hàng

Võ Văn Đức

Đơn vị mua hàng

Hộ gia đình

Địa chỉ:

11 Lê Hồng Phong, Phường Lê Hồng Phong, Tuy Hòa

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Xi măng Hoàng Thạch	Tấn	10	1.443.000	14.430.000
	Cộng tiền hàng				14.430.000
	Thuế suất GTGT 10% tiền thuế GTGT				1.443.000
	Tổng cộng tiền thanh toán:				15.873.000
	Số tiền viết bằng chữ:	Mười lăm triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng.			

Người mua hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Thành Vy **Mẫu số: 03-VT**
Địa chỉ: Phú Yên (Ban hành kèm theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU Số: 06

Ngày 05 tháng 12 năm 2015

Quyển số: 01

Họ tên người nộp tiền: Võ Văn Đức

Địa chỉ: 11 Lê Hồng Phong, TP Tuy Hòa

Lý do: Thanh toán tiền mua hàng

Số tiền: 15.873.000 (viết bằng chữ) mười lăm triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu **Người nhận tiền** **Thủ Quỹ** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO**Tháng 12 năm 2015**

ĐVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
Số	Ngày					
PX 1	01/12/2015	Bán xi măng Hoàng Thạch cho Chú Dư	Tấn	5	1.204.545	6.022.725
PX 2	02/12/2015	Bán xi măng Sông Gianh cho đại lý Thiên Long	Tấn	10	1.204.545	12.045.450
PX 3	03/12/2015	Bán xi măng Sông Gianh cho Công ty Xây dựng Phú Yên	Tấn	30	1.204.545	36.136.350
PX 4	04/12/2015	Bán xi măng Hà Tiên cho đại lý Thanh Hồng	Tấn	15	1.204.545	18.068.175
PX 5	05/12/2015	Bán xi măng Hoàng Thạch cho chú Đức	Tấn	10	1.204.545	12.045.450
PX 6	07/12/2015	Bán xi măng Hà Tiên cho cô Hà	Tấn	20	1.204.545	24.090.900
PX 7	09/12/2015	Bán xi măng Sông Gianh cho Công ty Xây dựng Phú Yên	Tấn	35	1.204.545	42.159.075
PX 8	10/12/2015	Bán xi măng Hoàng Thạch cho anh Lợi	Tấn	5	1.204.545	6.022.725
PX 9	12/12/2015	Bán xi măng Sông Gianh cho Công ty Đức Hải	Tấn	15	1.204.545	18.086.175
...
		Tổng cộng				247.417.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Kế toán trưởng.

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu.

(Ký, ghi rõ họ tên)

**BẢNG KÊ HÀNG BÁN RA CHƯA THANH TOÁN
LOẠI CHỨNG TỪ: PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Số: 1

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	GHI NỢ TK 131, GHI CÓ TK		TỔNG CỘNG
SỐ	NGÀY		511	3331	
HĐ000102	02/12	Bán xi măng Sông Gianh cho đại lý Thiên Long	14.430.000	1.443.00000	15.873.000
HĐ000104	04/12	Bán xi măng Hà Tiên cho đại lý Thanh Hồng	21.645.000	2.164.500	23.809.500
HĐ000106	07/12	Bán xi măng Hà Tiên cho cô Hà	28.860.000	2.886.000	31.746.000
HĐ000109	12/12	Bán xi măng Hoàng Thạch cho Công ty Đức Hải	21.645.000	2.164.500	23.809.500
...
Cộng			120.500.000	12.050.000	132.550.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, ghi họ tên)
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi họ tên)
(Đã ký)

BẢNG KÊ HÀNG BÁN RA THU BẰNG TIỀN MẶT
LOẠI CHỨNG TỪ: PHIẾU THU

Số: 2

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	GHI NỢ TK 111, GHI CÓ TK		TỔNG CỘNG
SỐ	NGÀY		511	3331	
PT 03	01/12	Bán xi măng Hoàng Thạch cho chú Dư	7.215.000	721.500	7.936.500
PT 06	05/12	Bán xi măng Hoàng Thạch cho chú Đức	14.430.000	1.443.000	15.873.000
...
		Cộng	44.645.000	4.464.500	49.109.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, ghi họ tên)

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi họ tên)

(Đã ký)

BẢNG KÊ HÀNG BÁN RA THU BẰNG TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**LOẠI CHỨNG TỪ: GIẤY BÁO CỐ (GBC)****Số: 3**

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	GHI NỢ TK 112, GHI CỐ TK		TỔNG CỘNG
SỐ	NGÀY		511	3331	
GBC013	03/12	Bán xi măng Sông Gianh cho Công ty Xây dựng Phú Yên	43.290.000	4.329.000	47.619.000
GBC115	07/12	Bán xi măng Sông Gianh cho Công ty Xây dựng Phú Yên	50.505.000	5.050.500	55.555.500
...
		Cộng	109.025.000	10.902.500	119.927.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, ghi họ tên)

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi họ tên)

(Đã ký)

2.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Xuất phát từ việc công ty vận dụng hệ thống tài khoản ban hành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ có sửa đổi bổ sung theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính nên trong hạch toán bán hàng của công ty sử dụng một số tài khoản sau

TK 1561	:	“Xi Măng”
TK 15611	:	“Xi măng Sông Gianh”
TK 15612	:	“Xi Măng Hoàng Thạch”
TK 15613	:	“Xi Măng Hà Tiên”
TK 1562	:	“Chi phí thu mua”
TK 632	:	“Giá vốn hàng bán”
TK 511	:	“Doanh thu bán hàng”
TK 642	:	“Chi phí quản lý kinh doanh”
TK 6421	:	“Chi phí bán hàng”
TK 6422	:	“Chi phí quản lý doanh nghiệp”
TK 911	:	“Xác định kết quả kinh doanh”

2.2.3. Sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Vy

2.2.3.1. Sổ kế toán doanh thu bán hàng

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng hóa

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
01/12	HĐ000101	01/12	Bán xi măng Hoàng Thạch cho chú Du thu tiền	111		7.215.000
02/12	HĐ000102	02/12	Bán xi măng Sông Gianh cho đại lý Thanh Long chưa thu tiền	131		14.443.000
03/12	HĐ000103	03/12	Bán xi măng Sông Gianh cho Công ty Xây dựng Phú Yên thu tiền	112		43.290.000
04/12	HĐ000104	04/12	Bán xi măng Hà Tiên cho đại lý Thanh Hồng chưa thu tiền	131		21.645.000
05/12	HĐ000105	05/12	Bán xi măng Hoàng Thạch cho chú Đức thu tiền	111		14.443.000
...
			<u>Cộng phát sinh tháng</u>			
			<u>Kết chuyển doanh thu tính KQKD</u>	911	274.170.000	274.170.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

Bộ phận kinh doanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 201

Ngày 31/12/2015

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Bán xi măng cho khách hàng chưa thu tiền	131	511	120.500.000
	131	3331	12.050.000
Tổng			132.550.000

Kèm theo bảng kê số 1 và các chứng từ gốc

Người lập sổ

(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký và ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

Bộ phận kinh doanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 202

Ngày 31/12/2015

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Bán xi măng cho khách hàng thu bằng tiền mặt	111	511	44.645.000
	111	3331	4.464.500
Tổng			49.109.500

Kèm theo bảng kê số 2 và các chứng từ gốc

Người lập sổ

(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký và ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

Bộ phận kinh doanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 203

Ngày 31/12/2015

ĐVT: đồng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Bán xi măng cho khách hàng thu bằng tiền gửi ngân hàng	112	511	109.025.000
	112	3331	10.902.500
Tổng			119.927.500

Kèm theo bảng kê số 3 và các chứng từ gốc

Người lập sổ

(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký và ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

Bộ phận kinh doanh

SỔ CÁI

TK 511 “Doanh thu bán hàng”

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/r	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12	201	Bán xi măng cho khách hàng chưa thu tiền	131		120.500.000
31/12	202	Bán xi măng cho khách hàng thu bằng tiền mặt	111		44.645.000
31/12	203	Bán xi măng cho khách hàng thu bằng tiền gửi ngân hàng	112		109.025.000
31/12	210	Kết chuyển giảm trừ doanh thu	521	1.560.000	
31/12	211	Kết chuyển doanh thu	911	272.610.000	
		Cộng số phát sinh		274.170.000	274.170.000
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập sổ
(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký và ghi rõ họ tên)

2.2.3.2. Sổ kế toán giá vốn

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
..
03/12	PXK3	03/12	Xuất kho xi măng Sông Gianh bán cho Công ty Xây dựng Phú Yên	1561	36.136.350	
04/12	PXK4	04/12	Xuất kho xi măng Hà Tiên bán cho đại lý Thanh Hồng	1561	18.068.175	
05/12	PXK5	05/12	Xuất kho xi măng Hoàng Thạch bán cho chú Đức	1561	12.045.450	
...
31/12		31/12	Chi phí thu mua hàng hóa	1562	10.100.000	
			<u>Công phát sinh tháng</u>		<u>257.517.500</u>	
			<u>Kết chuyển ghi Có TK 632</u>	911		<u>257.517.500</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Bộ phận kinh doanh

Số: 204

Ngày 31/12/2015

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Xuất kho xi măng bán cho khách hàng	632	1561	247.417.000
Cộng			247.417.000

Kèm theo bảng kê phiếu xuất và các chứng từ gốc

Người lập

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy**CHỨNG TỪ KẾ TOÁN**

Bộ phận kinh doanh

Số: 01

Ngày 31/12/2015

ĐVT: Đồng

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Chi phí mua hàng	632	1562	10.100.000
	Cộng			10.100.000

Tờ chứng từ ghi sổ có liên quan kế toán phản ánh lên sổ Cái

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Bộ phận kinh doanh

Số: 205

Ngày 31/12/2015

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Chi phí mua hàng	632	1562	10.100.000
Cộng			10.100.000

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập**Kế toán trưởng**

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

SỔ CÁI

Bộ phận kinh doanh

TK 632 “Giá vốn hàng bán”

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/u	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12	204	Xuất kho xi măng bán cho khách hàng	1561	247.417.000	
31/12	205	Chi phí mua hàng	1562	10.100.000	
31/12	208	Kết chuyển giá vốn	911		257.517.000
		Cộng số phát sinh		257.517.000	257.517.000
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập sổ

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3.3 Sổ sách kế toán giảm trừ doanh thu

Những sổ sách sử dụng tại công ty: sổ chi tiết TK 521, sổ Cái TK 521, sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.

Ví dụ: Công ty Xây dựng Phú Yên mua xi măng nhiều lần, ngày 03/12 Công ty Xây dựng Phú Yên mua 30 tấn xi măng với đơn giá là 1.443.000 đồng, tổng số tiền và thuế GTGT là 47.619.000 đồng, Công ty Thành Vy chiết khấu cho Công ty Xây dựng 1% . Số tiền chiết khấu là 476.190 đồng.

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy SỔ CHI TIẾT

Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PC 06	03/12	Chiết khấu 1% cho Công ty Xây dựng Phú Yên	111	476.190	
PC 07	09/12	Chiết khấu 1% cho Công ty Xây dựng Phú Yên	111	555.555	
....
		<u>Cộng phát sinh tháng</u>			
		<u>Kết chuyển giảm trừ tính vào doanh thu</u>	511	1.560.000	1.560.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Bộ phận kinh doanh

Số: 206

Ngày 31/12/2015

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Chiết khấu thương mại	521	111	1.560.000
Tổng			1.560.000

Kèm theo các chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập sổ

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy**SỔ CÁI**

Bộ phận kinh doanh

TK 521 “Chiết khấu thương mại”

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
31/12	206	Chiết khấu thương mại	111	1.560.000	
31/12	210	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu	511		1.560.000
		Cộng phát sinh		1.560.000	1.560.000
		Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập sổ**Kế toán trưởng**

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được công ty gộp chung vào một tài khoản là chi phí quản lý kinh doanh

Hằng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán: phiếu chi, bảng tính phân bổ tiền lương, hóa đơn tiền điện, tiền nước... được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có, từ đó lên Sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh và các chứng từ ghi sổ. Cuối quý, các chứng từ ghi sổ được dùng làm căn cứ ghi vào sổ Cái TK 642

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Thành Vỹ		Mẫu số: 02-VT	
Địa chỉ: Phú Yên(Ban hành kèm theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC			
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)			
		Nợ: TK 6421	
		Có: TK 111	
PHIẾU CHI Số: 22			
Ngày 02 tháng 12 năm 2015			
Quyển số: 01			
Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Minh Tuấn			
Địa chỉ: Phòng kinh doanh			
Lý do chi: Trả tiền vận chuyển hàng			
Số tiền: 400.000 (viết bằng chữ) Bốn trăm nghìn đồng.			
Kèm theo: 01 chứng từ gốc			
		Ngày 02 tháng 12 năm 2015	
Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ Quỹ	Kế toán trưởng Giám đốc
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên) (ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PC 22	02/12	Chi phí vận chuyển	111	400.000	
PC 23	02/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài	111	750.000	
....
BPBTL		Chi phí nhân viên	334	2.600.000	
01	31/12	Các khoản trích theo lương	338	624.000	
		<u>Cộng phát sinh tháng</u>			
		<u>Kết chuyển doanh thu tính KQKD</u>	911	5.000.000	5.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Thành Vy	Mẫu số: 02-VT
Địa chỉ: Phú Yên (Ban hành kèm theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)	
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)	
	Nợ: TK 6422
	Có: TK 111
PHIẾU CHI Số: 31	
Ngày 07 tháng 12 năm 2015	
Quyển số: 08	
Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Minh Tuấn	
Địa chỉ: Phòng kinh doanh	
Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách	
Số tiền: 850.000 (viết bằng chữ) Tám trăm năm mươi nghìn đồng.	
Kèm theo: 01 chứng từ gốc	
Ngày 07 tháng 12 năm 2015	
Người lập phiếu	Người nhận tiền
Thủ Quỹ	Kế toán trưởng
Giám đốc	
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản 6422: Chi phí QLDN

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
SH	NT		ĐƯ	Nợ	Có
PC 35	05/12	Thanh toán tiền mua nước	111	950.000	
PC 36	07/12	Thanh toán tiền tiếp khách	111	850.000	
....
BPBTL	31/12	Chi phí nhân viên	334	2.700.000	
05		Các khoản trích theo lương	338	648.000	
		<u>Cộng phát sinh tháng</u>			
		<u>Kết chuyển doanh thu tính KQKD</u>	911	5.500.000	5.500.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy
Bộ phận kinh doanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 207

Ngày 31/12/2015

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Chi phí quản lý kinh doanh	642	111	5.200.000
Tổng			3.928.000

Kèm theo các chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập sổ
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy
Bộ phận kinh doanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 208

Ngày 31/12/2015

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Chi phí tiền lương nhân viên bán hàng và QLDN	642	334	5.300.000
Các khoản trích theo lương cho nhân viên bán hàng và QLDN	642	338	1.272.000
Tổng			6.572.000

Kèm theo các chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập sổ
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

SỔ CÁI

Bộ phận kinh doanh

TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”

Tháng 12 năm 2015

DVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
31/12	207	Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ	111	3.928.000	
31/12	208	Chi phí tiền lương nhân viên bán hàng và QLDN	334	5.300.000	
		Các khoản trích theo lương	338	1.272.000	
31/12	209	Kết chuyển CP quản lý kinh doanh	911		10.500.000
		Cộng phát sinh		10.500.000	10.500.000
		Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập sổ

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3.5. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ tại công ty

Tại công ty, xác định kết quả tiêu thụ của hàng đã tiêu thụ được thực hiện theo từng tháng. Hàng tháng căn cứ vào kết quả tiêu thụ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển sau:

Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu

Kết chuyển doanh thu thuần.

Kết chuyển giá vốn hàng bán .

Kết chuyển chi phí QLKD và xác định kết quả tiêu thụ.

Việc xác định kết quả tiêu thụ được xác định như sau:

- Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu:

Nợ TK 511:	1.560.000
------------	-----------

Có TK 521:	1.560.000
------------	-----------

- Kết chuyển doanh thu thuần:

Nợ TK 511:	272.610.000
------------	-------------

Có TK 911:	272.610.000
------------	-------------

- Kết chuyển giá vốn:

Nợ TK 911:	257.517.000
------------	-------------

Có TK 632:	257.517.000
------------	-------------

- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh:

Nợ TK 911:	10.500.000
------------	------------

Có TK 642:	10.500.000
------------	------------

- Kết chuyển lãi từ hoạt động bán hàng:

Nợ TK 911	4.593.000
-----------	-----------

Có TK 421	4.593.000
-----------	-----------

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Số: 02

Tên: Kết chuyển chi phí, giá vốn

ĐVT: Đồng

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Kết chuyển GVHB	911	632	257.517.000
2	Kết chuyển CP QLKD	911	642	10.500.000
	Cộng			268.017.000

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Số: 03

Tên: Kết chuyển doanh thu, thu nhập

ĐVT: Đồng

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Kết chuyển DTBH	511	911	272.610.000
	Cộng			272.610.000

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy
Bộ phận kinh doanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ
SỐ 209

Ngày 31/12/2015

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển GVHB	911	632	257.517.000	
Kết chuyển CP QLKD	911	642	10.500.000	
Cộng			268.017.000	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy
Bộ phận kinh doanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ
SỐ 210

Ngày 31/12/2015

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giảm trừ doanh thu	511	521	1.560.000	
Cộng			1.560.000	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy
Bộ phận kinh doanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ
SỐ 211

Ngày 31/12/2015

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển DTBH	511	911	272.610.000	
Cộng			272.610.000	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Số: 04

Tên: Kết chuyển LNCPP

ĐVT: Đồng

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Kết chuyển LNCPP	911	421	4.593.000
	Cộng			4.593.000

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

Bộ phận kinh doanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 212

Ngày 31/12/2015

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển lãi	911	421	4.593.000
Tổng			4.593.000

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
SH	NT		SH	NT	
201	31/12	132.550.000	202	31/12	49.109.500
203	31/12	119.927.500	204	31/12	247.417.000
205	31/12	10.100.000	206	31/12	1.560.000
207	31/12	3.928.000	208	31/12	6.572.000
209	31/12	268.017.000	210	31/12	1.560.000
211	31/12	272.610.000	212	31/12	4.593.000
<i>Cộng</i>			<i>Cộng</i>		
<i>Cộng lũy kế từ đầu năm</i>			<i>Cộng lũy kế từ đầu năm</i>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy

TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/u	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12		Kết chuyển doanh thu thuần	511		272.610.000
31/12		Kết chuyển giá vốn	632	257.517.000	
31/12		Kết chuyển CP QLKD	642	10.500.000	
31/12		Kết chuyển lãi	421	4.593.000	
		Cộng số phát sinh		272.610.000	272.610.000
		Số dư cuối kỳ			

Người lập sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH VY

3.1. Nhận xét về công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Vy

Một trong những vấn đề cơ bản mà các nhà lãnh đạo doanh nghiệp hiện nay quan tâm đó là làm sao có thể đứng vững được trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt. Muốn làm được như vậy thì doanh nghiệp phải đưa được nhiều sản phẩm của mình ra thị trường và được người tiêu dùng chấp nhận, có như vậy thì doanh nghiệp mới có thể thu hồi được vốn để bù đắp chi phí và có lãi. Để làm được như vậy thì doanh nghiệp phải tổ chức tốt công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty Thành Vy, được quan sát thực tế công tác kế toán của công ty. Tuy khả năng còn hạn chế song với kiến thức đã học tại trường em xin đưa ra một vài nhận xét của mình về công tác kế toán chung và công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ nói riêng tại công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm

Là một doanh nghiệp có chế độ hạch toán độc lập, công ty đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ Tài Chính ban hành về hệ thống tài khoản chung, các chứng từ sổ sách cũng như các chuẩn mực kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán là hình thức Chứng từ ghi sổ đã phản ánh được chỉ tiêu mua hàng và chỉ tiêu bán hàng.

Phần chứng từ ghi sổ đã phản ánh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty.

Sổ chứng từ ghi sổ được công ty mở theo định kỳ, hết mỗi kỳ đều khoá sổ cũ và mở sổ mới cho kỳ sau.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo kiểu tập trung nên công việc cũng như trách nhiệm của từng thành viên được phân chia rõ ràng và giảm bớt gánh nặng cho kế toán tổng hợp vào cuối tháng.

Hạch toán tiêu thụ và kết quả tiêu thụ đóng vai trò quan trọng trong công tác lập báo cáo kế toán tại doanh nghiệp. Một báo cáo kế toán chính xác khi nghiệp vụ hạch toán tiêu thụ được phản ánh đầy đủ, kịp thời và các nghiệp vụ tập hợp chi phí, giá vốn hàng bán được phản ánh đầy đủ trên các tài khoản liên quan.

Quá trình hạch toán tiêu thụ và kết quả tiêu thụ đòi hỏi các kế toán phải cập nhật kịp thời và phản ánh chính xác giá trị hàng hoá mua, bán. Đối với kinh doanh hàng hoá nhập khẩu bị ảnh hưởng bởi yếu tố tỷ giá ngoại tệ thì việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh càng phải đảm bảo tính kịp thời và chính xác cao.

Để hạch toán kết quả tiêu thụ thì liên quan đến nhiều nghiệp vụ như hạch toán doanh thu, tập hợp chi phí và tính giá thành. Do vậy việc ghi chép phải chi tiết rõ ràng. Từ các chứng từ gốc phải phản ánh đầy đủ vào sổ chi tiết, bảng kê chứng từ ghi sổ... để công tác hạch toán tiêu thụ và kết quả tiêu thụ được chính xác.

Về nguyên tắc, công tác hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ phải căn cứ vào các chứng từ thực tế phát sinh trong kỳ. Từ các chứng từ mua hàng như phiếu nhập, xuất kho, chứng từ chi phí mua hàng để phản ánh hàng hoá mua vào trong kỳ và tính giá vốn cho hàng bán ra trong kỳ. Các hoá đơn bán hàng là cơ sở để lập doanh thu trong kỳ, các chứng từ phát sinh thu chi

tiền mặt, tiền gửi... để tập hợp chi phí nhằm hạch toán kết quả tiêu thụ được chính xác.

Công tác hạch toán kết quả tiêu thụ tại công ty được kế toán đưa hết vào tài khoản 911. Nên việc thể hiện doanh thu bán hàng của từng nhóm hàng được phản ánh rõ ràng trên sổ kế toán cũng như trên báo cáo quyết toán.

3.1.2. Nhược điểm

Công ty mới thành lập năm 2010, còn rất non trẻ nên sức cạnh tranh trên thị trường còn yếu.

Việc tính giá vốn hàng xuất bán theo phương pháp hiện tại, đòi hỏi công tác tổ chức, theo dõi chi tiết hàng hoá một cách chặt chẽ. Có như vậy việc tính giá mua hàng xuất bán mới chính xác. Hiện nay, công ty theo dõi chi tiết hàng hoá không được theo dõi trên cơ sở chi tiết từng mặt hàng, nhóm hàng mà mỗi tháng hàng hoá được theo dõi chung trên một thẻ kho, do đó còn gặp nhiều khó khăn trong việc theo dõi số lượng hàng hoá tiêu thụ.

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Hình thức này tuy có ưu điểm song cũng khó vì tính hóa công tác kế toán theo xu hướng của thời đại.

Công ty chưa chi tiết rõ tài khoản cấp 2 cho tài khoản 511 và tài khoản 632 để dễ dàng theo dõi chi tiết. Vì muốn công ty biết loại xi măng nào là ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty thì công ty nên chi tiết cho từng loại xi măng.

Công ty cũng chưa lập sổ kế toán chi tiết cho kế toán doanh thu và kế toán giá vốn. Vì doanh thu và giá vốn ảnh hưởng quan trọng đến lợi nhuận lãi hay lỗ. Chưa biết được loại xi măng nào đem lại lợi nhuận cao cũng như rủi ro cho công ty.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Vy

Việc hoàn thiện phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán và chế độ tài chính hiện hành của nhà nước.

Các biện pháp hoàn thiện đưa ra cần mang tính khả thi có hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất. Chính vì vậy việc hoàn thiện phải dựa trên nguồn nhân lực hiện có, bộ máy quản lý công ty không thay đổi, phù hợp với đặc điểm công ty.

Hoàn thiện kế toán phải đảm bảo kết hợp thống nhất giữa kế toán tổng hợp với kế toán chi tiết. Nguyên tắc này thể hiện ở việc sử dụng khoa học hệ thống tài khoản đảm bảo hiệu quả của công tác kế toán, đồng thời có một hệ thống sổ chi tiết gọn nhẹ và đầy đủ.

Việc hoàn thiện công tác kế toán phải đảm bảo được việc cung cấp thông tin kịp thời cho cán bộ quản lý.

Tóm lại để đưa hàng hóa của công ty đến tay người tiêu dùng phải có sự kết hợp hài hòa, sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên trong đó có sự đóng góp không nhỏ của bộ phận kế toán.

3.2.1. Thay đổi phương pháp tính giá hàng xuất kho.

Hiện nay, công ty tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp cả kỳ dự trữ, phương pháp này đơn giản nhưng khó bù đắp chi phí. Vì hiện nay giá cả thị trường không ổn định, lên xuống liên tục, giá cả kỳ không phản ánh hết, phải đúng với nguyên tắc phù hợp “chi phí phải phù hợp với doanh thu”. Do đó công ty nên áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước để tính trị giá hàng xuất kho. Áp dụng phương pháp này thì giá trị hàng tồn kho sẽ được phản ánh gần với giá trị hiện tại vì được tính theo giá của những lần nhập kho mới nhất.

3.2.2. Thay đổi hình thức kế toán.

Theo em công ty nên chuyển sang hình thức nhật ký chung. Theo hình thức này sổ nhật chung đều ghi theo trật tự thời gian toàn bộ nghiệp vụ kinh tế – tài chính phát sinh ở đơn vị. Nếu đơn vị có khối lượng nghiệp vụ kinh tế – tài chính phát sinh nhiều các nghiệp vụ cùng loại cũng nhiều thì có thể mở thêm một sổ nhật ký đặc biệt để ghi các nghiệp vụ cùng loại phát sinh theo trình tự thời gian để định kỳ (5 hoặc 10 ngày) tổng hợp số tài liệu ghi sổ Cái theo quy định của chế độ kế toán hiện hành. Hình thức này có ưu điểm đơn giản, dễ hiểu, thuận tiện cho phân công, lao động trong phòng kế toán, thuận tiện cho việc sử dụng máy tính trong công tác kế toán.

3.2.3. Chi tiết tài khoản, lập sổ chi tiết cho doanh thu và giá vốn

Qua quá trình thực tập em thấy nhiều tài khoản của công ty chưa được chi tiết rõ, nhất là các tài khoản của doanh thu và giá vốn. Sau đây em xin đưa ra giải pháp là chi tiết và lập bảng cho từng loại xi măng để dễ theo dõi:

Tài khoản chi tiết của doanh thu và giá vốn:

511G: Doanh thu xi măng Sông Gianh

511T: Doanh thu xi măng Hoàng Thạch

511TI: Doanh thu xi măng Hà Tiên

632G: Giá vốn xi măng Sông Gianh

632T: Giá vốn xi măng Hoàng Thạch

632TI: Giá vốn xi măng Hà Tiên

Lập sổ chi tiết doanh thu và giá vốn:

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy SỔ CHI TIẾT

Tài khoản 511G: Doanh thu bán xi măng Sông Gianh

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
03/12	HĐ000103	03/12	Bán xi măng Sông Gianh cho Công ty Xây dựng Phú Yên thu tiền	112		43.290.000
09/12	HĐ000107	09/12	Bán xi măng Sông Gianh cho Công ty Xây dựng Phú Yên thu tiền	112		50.505.000
...
			<u>Cộng phát sinh tháng</u>			
			<u>Kết chuyển doanh thu tính KQKD</u>	911		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy **SỔ CHI TIẾT**

Tài khoản 511T: Doanh thu bán xi măng Hoàng Thạch

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
05/12	HĐ000105	05/12	Bán xi măng Hoàng Thạch cho chú Đức thu tiền	111		14.430.000
10/12	HĐ000108	10/12	Bán xi măng Hoàng Thạch cho anh Lợi thu tiền	111		7.215.000
...
			<u>Cộng phát sinh tháng</u>			
			<u>Kết chuyển doanh thu tính KQKD</u>	911		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy **SỔ CHI TIẾT**

Tài khoản 511TI: Doanh thu bán xi măng Hà Tiên

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
04/12	HĐ000104	04/12	Bán xi măng Hà Tiên cho đại lý Thanh Hồng chưa thu tiền	131		21.645.000
07/12	HĐ000106	07/12	Bán xi măng Hà Tiên cho cô Hà chưa thu tiền	131		28.860.000
...
			<u>Cộng phát sinh tháng</u>			
			<u>Kết chuyển doanh thu tính KQKD</u>	911		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy **SỔ CHI TIẾT**

Tài khoản 632G: Giá vốn xi măng Sông Gianh

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
03/12	PXK3	03/12	Xuất bán xi măng Sông Gianh cho Công ty Xây dựng Phú Yên thu tiền	15611	36.136.350	
09/12	PXK7	09/12	Xuất bán xi măng Sông Gianh cho Công ty Xây dựng Phú Yên thu tiền	15611	42.159.075	
...
			<u>Cộng phát sinh tháng</u>			
			<u>Kết chuyển ghi Có TK 6321</u>	911		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy **SỔ CHI TIẾT**

Tài khoản 632T: Giá vốn xi măng Hoàng Thạch

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
05/12	PXK5	05/12	Xuất bán xi măng Hoàng Thạch cho chú Đức thu tiền	15612	12.045.450	
10/12	PXK8	10/12	Bán xi măng Hoàng Thạch cho anh Lợi thu tiền	15612	6.022.725	
...
			<u>Cộng phát sinh tháng</u>			
			<u>Kết chuyển ghi Có TK 6322</u>	911		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM&DV Thành Vy **SỔ CHI TIẾT**

Tài khoản 632TI: Giá vốn xi măng Hà Tiên

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
04/12	PXK4	04/12	Bán xi măng Hà Tiên cho đại lý Thanh Hồng chưa thu tiền	15613	18.068.175	
07/12	PXK6	07/12	Bán xi măng Hà Tiên cho cô Hà chưa thu tiền	15613	24.090.900	
...
			<u>Cộng phát sinh tháng</u>			
			<u>Kết chuyển ghi Có TK 6323</u>	911		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trên đây là một số giải pháp nhằm hoàn thiện quá trình kế toán nghiệp vụ tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty Thành Vy. Tuy nhiên để những phương hướng này thực hiện được cần có những biện pháp sau:

- Công ty phải thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên kế toán Công ty.
- Cần trang bị cơ sở vật chất đầy đủ cho phòng kế toán.
- Công ty phải có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh nên độ kế toán, tài khoản sử dụng các mối quan hệ đối ứng tài khoản và chế độ sổ sách.

KẾT LUẬN

Có thể nói rằng, trong nền kinh tế thị trường hiện nay thực hiện chế độ kinh tế theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đòi hỏi các doanh nghiệp một mặt phải tự trang trải được các chi phí, mặt khác phải thu được lợi nhuận, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Mục tiêu đó chỉ đạt được trên cơ sở quản lý chặt chẽ các loại tài sản, vật tư, chi phí, quản lý chặt chẽ quá trình tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ của doanh nghiệp.

Theo đó, chất lượng thông tin kế toán thông qua hạch toán mua bán hàng hóa ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Kết quả đạt được đầy đủ, chính xác, kịp thời và đúng đắn là biện pháp tích cực và có hiệu quả nhất góp phần thúc đẩy hàng hóa quay vòng nhanh, mang lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp và trở thành mục tiêu kinh doanh mà các doanh nghiệp đều muốn đạt được. Vì vậy việc hạch toán công tác mua bán hàng hóa trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu với không chỉ bộ phận kế toán mà còn với cả toàn doanh nghiệp.

Cuối cùng, em muốn bày tỏ sự biết ơn chân thành tới cô giáo Lê Mộng Huyền, và các anh chị trong Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Vy, đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Do kiến thức có hạn, chưa có kinh nghiệm thực tế, thời gian đi thực tập lại không nhiều, nên bài khóa luận tốt nghiệp này của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong được sự chỉ bảo tận tình của các thầy cô giáo, để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.
2. Ngô Thế Chi, *Giáo trình kế toán tài chính*, Học viện tài chính.
3. Nguyễn Ngọc Tiên, *Giáo trình kế toán tài chính*, Đại học Quy Nhơn.
4. Hướng dẫn lập chứng từ kế toán, hướng dẫn ghi sổ kế toán, Nhà xuất bản thống kê.

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ và tên sinh viên: **Lê Thị Nhi**

Lớp : **Kế toán 35D** Khóa: **35**

Tên đề tài : ***Hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thành Vy***

Tính chất của đề tài:

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:

2. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết:

- Cơ sở số liệu:

- Phương pháp giải quyết các vấn đề:

3. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày:

- Kết cấu của đề tài:

4. Những nhận xét khác:

II. Đánh giá và cho điểm:

- Tiến trình làm đề tài:

- Nội dung của đề tài:

- Hình thức của đề tài:

Tổng cộng điểm của đề tài:

Bình Định, ngày ... tháng ... năm 2016

Giáo viên hướng dẫn

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN

Họ và tên sinh viên: **Lê Thị Nhi**

Lớp : **Kế toán 35D**

Khóa: 35

Tên đề tài : ***Hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thành Vy***

Tính chất của đề tài:

I. Nội dung nhận xét:

1. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết:
- Cơ sở số liệu:
- Phương pháp giải quyết các vấn đề:

2. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày:
- Kết cấu của đề tài:

3. Những nhận xét khác:

II. Đánh giá và cho điểm:

- Nội dung của đề tài:
- Hình thức của đề tài:

Tổng cộng điểm của đề tài:

Bình Định, ngày ... tháng ... năm 2016

Giáo viên phản biện

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.....	3
1.1. Khái quát chung về kế toán tiêu thụ	3
<i>1.1.1. Khái niệm tiêu thụ.....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2. Các phương thức tiêu thụ.....</i>	<i>4</i>
1.1.2.1. Phương thức tiêu thụ trực tiếp.....	4
1.1.2.2. Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận	4
1.1.2.3. Phương thức bán hàng qua các đại lý (ký gửi)	4
1.1.2.4. Phương thức bán hàng trả góp	5
1.2. Kế toán tiêu thụ	5
<i>1.2.1. Kế toán doanh thu</i>	<i>5</i>
1.2.1.1. Khái niệm về doanh thu	5
1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu	5
<i>1.2.2. Kế toán giá vốn.....</i>	<i>9</i>
<i>1.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>13</i>
1.2.3.1. Chiết khấu thương mại.....	13
1.2.3.2. Hàng bán bị trả lại.....	14
1.2.3.3. Kế toán giảm giá hàng bán.....	16

1.2.3.4. Các khoản thuế giảm trừ doanh thu	17
1.3. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ.....	17
<i>1.3.1. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....</i>	<i>17</i>
1.3.1.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	17
1.3.1.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	20
<i>1.3.2. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ.....</i>	<i>24</i>
1.3.2.1. Xác định doanh thu thuần	24
1.3.2.2. Xác định kết quả tiêu thụ	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH VY	27
2.1. Giới thiệu về công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thành Vy.....	27
<i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....</i>	<i>27</i>
2.1.1.1. Tên, địa chỉ của công ty	27
2.1.1.2. Thời điểm thành lập, các mốc quan trọng.....	27
2.1.1.3. Quy mô hiện tại của công ty	27
2.1.1.4. Kết quả kinh doanh của công ty.....	28
<i>2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty.....</i>	<i>28</i>
2.1.2.1. Chức năng của công ty.....	28
2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty	28
<i>2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....</i>	<i>29</i>
2.1.3.1. Loại hình kinh doanh và các loại hàng hóa mà công ty đang kinh doanh	29

2.1.3.2. Thị trường đầu vào và đầu ra của công ty.....	29
2.1.3.3. Vốn kinh doanh của công ty	29
2.1.3.4. Đặc điểm các nguồn lực chủ yếu của công ty.....	29
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý và tổ chức kinh doanh tại công ty...	30
.....	
2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức quản lý.....	30
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.....	31
2.1.4.3. Tổ chức kinh doanh tại công ty.....	32
2.1.5. Đặc điểm kế toán của công ty.....	32
2.1.5.1. Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty	32
2.1.5.2. Bộ máy kế toán tại công ty.....	32
2.1.5.3. Hình thức kế toán mà công ty đang áp dụng	34
2.2. Thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thành Vy	36
2.2.1. Chứng từ kế toán tại Công ty thương mại và dịch vụ Thành Vy	36
2.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng	48
2.2.3. Sổ sách kế toán sử dụng	48
2.2.3.1. Sổ kế toán doanh thu bán hàng	48
2.2.3.2. Sổ kế toán giá vốn.....	53
2.2.3.3. Sổ sách kế toán giảm trừ doanh thu	58
2.2.3.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	61
2.2.3.5. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ.....	66

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH VY	73
3.1. Nhận xét về công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thành Vy	73
<i>3.1.1. Ưu điểm.....</i>	<i>73</i>
<i>3.1.2. Nhược điểm</i>	<i>75</i>
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ	75
<i>3.2.1. Thay đổi phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho.....</i>	<i>76</i>
<i>3.2.2. Thay đổi hình thức kế toán.....</i>	<i>76</i>
<i>3.2.2. Chi tiết tài khoản cấp 2 cho TK 511 và TK 632.....</i>	<i>77</i>
<i>3.2.3. Lập sổ kế toán chi tiết cho doanh thu và giá vốn</i>	<i>77</i>
KẾT LUẬN	85
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	86

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Tên đầy đủ
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CCDC	Công cụ dụng cụ
CNV	Công nhân viên
CP	Chi phí
CPBH	Chi phí bán hàng
CTGS	Chứng từ ghi sổ
DN	Doanh nghiệp
DT	Doanh thu
GTGT	Giá trị gia tăng
GVHB	Giá vốn hàng bán
KD	Kinh doanh
KH	Khách hàng
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
HH	Hàng hóa
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
TK	Tài khoản
TM	Thương mại
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
TT	Thị trấn
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt

DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU

<i>Sơ đồ 1.1: Sơ đồ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....</i>	<i>08</i>
<i>Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán</i>	<i>11</i>
<i>Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng</i>	<i>20</i>
<i>Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>24</i>
<i>Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý công ty.....</i>	<i>31</i>
<i>Sơ đồ 2.2: Sơ đồ luân chuyển hàng hóa.....</i>	<i>32</i>
<i>Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty</i>	<i>34</i>
<i>Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “ Chứng từ ghi sổ”</i>	<i>35</i>

